**Bài 8:**

**NÉT ĐẸP VĂN HÓA VIỆT**

**(VĂN BẢN THÔNG TIN)**

*Thời gian thực hiện: 15 tiết (Bài 8: 11 tiết + Ôn tập và kiểm tra giữa kì II: 4 tiết)*

**Tiết 97, 98:**

**TRI THỨC NGỮ VĂN**

**VĂN BẢN 1: TRÒ CHƠI CƯỚP CỜ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Đặc điểm văn bản thông tin.

- Chủ điểm: Nét đẹp văn hóa Việt.

- Nhận biết được cách chơi của một trò chơi dân gian: trò chơi cướp cờ thông qua văn bản Trò chơi cướp cờ.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:** Khả nănggiải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Nhận biết được đặc điểm văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.

- Nhận biết được cách triển khai các ý tưởng và thông tin trong văn bản (chẳng hạn theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng, hoặc các đối tượng được phân loại).

- Nhận biết được tác dụng biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một văn bản in hoặc điện tử và nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản.

**3. Phẩm chất:** Trung thực khi tham gia các hoạt động.  
***\* Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh THCS:***

- Thể hiện ý kiến cá nhân với những vấn đề: sống giản dị, yêu tiếng mẹ đẻ, uống nước nhớ nguồn.

- Bày tỏ quan điểm rõ ràng, tôn trọng ý kiến của người khác.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

**-** Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học.

- Thiết kế bài giảng điện tử.

- Phương tiện và học liệu: Máy vi tính, máy chiếu đa năng...Phiếu học tập

**2. Học liệu:**

- Đọc tài liệu có liên quan đến thể loại văn bản.

- Đọc phần Tri thức ngữ văn và hướng dẫn **Chuẩn bị** phần Đọc – hiểu văn bản trong sách giáo khoa; chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

**b) Nội dung:** Giáo viên cho học sinh lắng nghe và đoán các trò chơi.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:1**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

Cách 1:

*(1) GV chiếu các hình ảnh và hỏi: Những hình ảnh trên gợi cho em điều gì?*



*(2)* [*Quan sát nhan đề và hình ảnh minh họa của văn bản, hình dung về cách chơi của trò cướp cờ. Chia sẻ với bạn bè về sự hình dung ấy của em.*](https://vietjack.me/quan-sat-nhan-de-va-hinh-anh-minh-hoa-cua-van-ban-hinh-dung-ve-cach-ch-91625.html)

*Cách 2:*

*(1) Nói đến hai từ Việt Nam, em nghĩ đến điều gì đầu tiên?*

*(2) Kể tên các trò chơi dân gian mà em biết.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe.

- GV quan sát.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt động trình bày.

- Hs trả lời

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài.

**B.HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1. Tìm hiểu giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định được chủ điểm, thể loại chính và câu hỏi lớn của bài học

**b. Nội dung:** Gv gợi mở để học sinh tìm hiểu giới thiệu bài học

**c. Sản phẩm học tập:**

*- Chủ điểm: “Nét đẹp văn hóa Việt”*

*- Thể loại: Văn bản thông tin*

*- Các văn bản:*

*+ Trò chơi cướp cờ*

*+ Cách gọt củ hoa thủy tiên*

*+ Hương khúc*

*+ Kéo co*

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

Gv yêu cầu học sinh đọc đoạn giới thiệu bài học cùng với câu hỏi:

+ Chủ điểm của bài học là gì?

+ Thể loại chính của chủ đề? Kể tên các văn bản trong chủ đề

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ

- GV lắng nghe, gợi mở

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt động

- Hs trả lời câu hỏi

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh

**Hoạt động 2. Tìm hiểu tri thức đọc hiểu**

**a. Mục tiêu:**

- Đặc điểm truyện khoa học viễn tưởng

**b. Nội dung:** Gv tổ chức thảo luận nhóm bằng các PHT

**c. Sản phẩm học tập:**

**\* Văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động: cấu trúc và đặc điểm hình thức**

- Về cấu trúc, loại văn bản này thường có 3 phần:

+ Phần 1: Giới thiệu mục đích của quy trình thực hiện trò chơi hay hoạt động bằng một đoạn văn hoặc nhan đề bài viết (tên quy trình).

+ Phần 2: Liệt kê những gì cần chuẩn bị trước khi thực hiện trò chơi hay hoạt động,

+ Phần 3: Trình bày các bước cần thực hiện. Đối với trò chơi, đó là quy tắc, luật lệ, hướng dẫn cách chơi; đối với các hoạt động khác đó là thứ tự các bước thực hiện hoạt động.

+ Một số văn bản có thể có thêm phần giải thích sự cần thiết của mỗi bước thực hiện.

- Về đặc điểm hình thức loại văn bản này thưởng sử dụng các con số (1,2,3,...), từ ngữ chỉ thời gian (đầu tiên, tiếp theo, sau cùng, ...) hoặc chỉ thứ tự (thứ nhất, thứ hai,...) để giới thiệu trình tự thực hiện, dùng từ ngữ miêu tả chi tiết cách thức hành động và một số thuật ngữ liên quan, sử dụng câu nhiều động từ để chỉ hành động hoặc yêu cầu thực hiện; dùng hình ảnh minh hoạ, sơ đồ chỉ dẫn, đề mục để tóm tắt thông tin chính; từ xưng hô ngôi thứ hai (ví dụ bạn,...) để chỉ người đọc.

 \* Cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản thông tin

- Văn bản thông tin có thể triển khai ý tưởng và thông tin theo một số cách sau: theo trật tự thời gian (trình bày thông tin theo thứ tự xuất hiện của sự vật, hiện tượng hay hoạt động); theo quan hệ nhân quả (trình bày thông tin theo quan hệ ý nghĩa nhân quả bằng một số từ ngữ như: lí do (của)…, nguyên nhân (của)..., vì, nên, do đó,...); theo mức độ quan trọng của thông tin (thông tin chính được ưu tiên trình bảy trước hoặc được làm nổi bật bằng cách in đậm, tô màu, gạch dưới hoặc lặp đi lặp lại,...).

- Khi viết, người viết có thể kết hợp nhiều cách triển khai ý tưởng và thông tin, nhưng thường chọn một cách triển khai chính để làm nổi bật thông tin.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ:

*(1) Gv phát PHT số 1, Hs làm việc cá nhân*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **K**  (Những điều em đã biết về văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động nào?) | **W**  ( Những điều em muốn biết thêm về văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động) | **L**  (Những điều em đã học được về loại văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt độnh) |
|  |  |  |

*(2) Sau khi hoàn thành nhiệm vụ (1), Hs đọc phần Tri thức Ngữ văn và trả lời câu hỏi*

*+ Nhận xét về đặc điểm của văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động( cấu trúc và hình thức)*

*+ Văn bản thông tin có thể triển khai ý tưởng và thông tin theo những cách nào? Cần lưu ý gì khi triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản thông tin?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, thảo luận

- GV gợi mở

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt động

- Hs trả lời câu hỏi

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Gv nhận xét, chốt kiến thức.

**Hoạt động 3. Tìm hiểu văn bản “TRÒ CHƠI CƯỚP CỜ”**

**Nhiệm vụ 1: Trải nghiệm cùng văn bản**

**a. Mục tiêu:** Đọc văn bản và thực hiện một số kĩ thuật đọc thông qua việc trả lời một số câu hỏi trong khi đọc

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm học tập:**

*\*Tác giả: Nguyễn Thị Thanh Thủy*

*\*Tác phẩm*

*- Thể loại:  văn bản thông tin*

*- Phương thức biểu đạt: thuyết minh*

*- Bố cục bài Trò chơi cướp cờ: 3 phần*

*+ Phần 1: Từ đầu đến “đoàn kết khi chơi”: Giới thiệu mục đích của trò chơi cướp cờ*

*+ Phần 2: Tiếp đến “bằng nhau”: Chuẩn bị cho trò chơi cướp cờ*

*+ Phần 3: Còn lại: Hướng dẫn cách chơi trò chơi cướp cờ*

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ cho nhóm 1.

*+ Đại diện học sinh trong nhóm đọc bài và trả lời câu hỏi theo dõi*: *Chú ý những từ ngữ chỉ trình tự các hoạt động được mô tả ở nội dung c. Hướng dẫn cách chơi.*

*+ Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm*

- HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Hs làm việc cá nhân

- GV quan sát

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.

**Nhiệm vụ 2: Suy ngẫm và phản hồi**

**Nội dung 1: Tìm hiểu mục đích và đặc điểm của văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được cách chơi của một trò chơi dân gian: trò chơi cướp cờ thông qua văn bản Trò chơi cướp cờ.

- Nhận biết được đặc điểm VB giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó.

- Nhận biết được cách triển khai các ý tưởng và thông tin trong VB (chẳng hạn theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng, hoặc các đối tượng được phân loại).

- Nhận biết được tác dụng biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một VB in hoặc điện tử và nhận biết được thông tin cơ bản của VB.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng SGK, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS:

**Nhóm 2:**

**Câu 1:** Tìm trong văn bản trên những thông tin về luật chơi của trò chơi cướp cờ.

-Người chơi chỉ đuợc lên cướp cờ khi trọng tài gọi đúng s[ố thứ tự của mình.](https://blogtailieu.com/) [Chi được đập (vỗ)](https://blogtailieu.com/) nhẹ lên người chơi đối phương khi họ cầm cờ

-[Khi người chơi đã](https://blogtailieu.com/) cầm cờ chạy qua được vạch của đội m[ình thì người chơi của đội](https://blogtailieu.com/) [kia không được đập vào](https://blogtailieu.com/) ngươi bạn chơi nữa.

[-Trọng tài có thể gọ](https://blogtailieu.com/)i nhiều cặp đôi của hai đội cùng lên c[ướp cờ.](https://blogtailieu.com/)

Kết thúc cuộc chơi, đội nào được nhiều điểm hơn thì thắ[ng cuộc .Phần thưởng cho](https://blogtailieu.com/) [đội thắng có thể là hiện v](https://blogtailieu.com/)ât hoặc được đội thua cõng một vòng [quanh sân.](https://blogtailieu.com/)

**Câu 2:** Theo em, để ghi được điểm trong trò chơi này, đội chơi phải làm gì?Để ghi được điểm trong  [chơi này, đội chơi ph](https://blogtailieu.com/)ải chạy lên lừa lấy được cờ từ giữa sân [sau tiếng hô của trọng tài](https://blogtailieu.com/) [và chạy về đến vạch của](https://blogtailieu.com/) đội mình với cây cờ trên tay mà không [bị bạn chơi ngăn cản hoặc](https://blogtailieu.com/) [đập (vỗ) nhẹ lên người.](https://blogtailieu.com/)

**Nhóm 3.**

**Câu 3:** Mục đích của văn bản Trò chơi cướp cờ là gì? Những đặc điểm nào của văn bản giúp em nhận ra mục đích ấy?

[a. Muc đích của VB](https://blogtailieu.com/): Giới thiệu về cách thức thực hiện trò [chơi cướp cờ](https://blogtailieu.com/)

[b. Các đặc điểm sau củ](https://blogtailieu.com/)a VB đã góp phần thực hiện được mụ[c đích đó](https://blogtailieu.com/)

Về cầu trúc: gồm 3 phần. [Về từ ngữ : sử dụng n](https://blogtailieu.com/)hững từ ngữ chỉ thời gian. [Về loại từ: câu sử dụ](https://blogtailieu.com/)ng nhiều động từ. [Về đề mục: sử dụng](https://blogtailieu.com/) đề mục để tóm tắt những thông tin chính. Sử dụng hình ảnh [minh hoạ cách chơi.](https://blogtailieu.com/)

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV chuyển giao nhiệm vụ cho nhóm 2:   
? Tìm trong văn bản trên những thông tin về luật chơi của trò chơi cướp cờ.  
? Theo em, để ghi được điểm trong trò chơi này, đội chơi phải làm gì?  
GV tiếp tục chuyển giao nhiệm vụ cho nhóm 3: Mục đích của văn bản Trò chơi cướp cờ là gì? Những đặc điểm nào của văn bản giúp em nhận ra mục đích ấy?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thảo luận và trả lời câu hỏi

- Gv quan sát, cố vấn

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS thuyết trình sản phẩm thảo luận

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

[***\* Mục đích của VB***](https://blogtailieu.com/)***:*** *Giới thiệu về cách thức thực hiện trò* [*chơi cướp cờ*](https://blogtailieu.com/)

***\* Các đặc điểm*** *:*

*-****Về cầu trúc****: gồm 3 phần: (a) Giới thiệu mục đích của quy* [*trình; (b) Liệt kê những*](https://blogtailieu.com/)[*thứ cần chuẩn bị trước khi*](https://blogtailieu.com/) *chơi; (c) Trình bày cách chơi.*

*-****[Về từ ngữ](https://blogtailieu.com/)****[: sử dụng n](https://blogtailieu.com/)hững từ ngữ chi thời gian như. đầu ti*[*ên, tiếp theo,*](https://blogtailieu.com/)

*-****[Về loại từ](https://blogtailieu.com/)****[: câu sử dụ](https://blogtailieu.com/)ng nhiều động từ.*

*-****[Về đề mục](https://blogtailieu.com/)****[: sử dụng](https://blogtailieu.com/) đề mục để tóm tắt những thông tin chí*[*nh của VB như a. Mục*](https://blogtailieu.com/)[*đích, b. chuẩn bị, c. Hướ*](https://blogtailieu.com/)*ng dẫn cách chơi.*

[***-Về phương tiện giao***](https://blogtailieu.com/) ***tiếp phi ngôn ngữ:*** *Sử dụng hình ảnh minh hoạ cách chơi.*

**Nội dung 2. Tìm hiểu thông tin cơ bản và cách triển khai văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được các thông tin cơ bản và cách triển khai thông tin trong văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm học tập:   
Nhóm 4:** *-* Văn bản Trò chơi cướp cờ chủ yếu triển khai thông tin theo trật tự thời gian, bởi vì tác giả đã mô tả rõ những việc cần chuẩn bị trước khi chơi, trình tự các bước chơi được mô tả bằng những từ ngữ như: đầu tiên, tiếp theo, sau đó, tiếp tục,... Cách triển khai thông tin như vậy giúp người đọc hình.  
- Hình vẽ trò chơi trong VB [làm cho thông tin được](https://blogtailieu.com/) [rõ ràng, giúp người đọc dễ](https://blogtailieu.com/) nhận biết cách chơi.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao NV cho nhóm 4

*+ Thông tin trong văn bản Trò chơi cướp cờ được triển khai theo cách nào? Dựa vào đâu mà em xác định được? Cách triển khai thông tin ấy có tác dụng gì trong việc thực hiện mục đích của văn bản?  
+ Hình vẽ trò chơi trong văn bản có tác dụng như thế nào đối với việc trình bày thông tin của văn bản?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thảo luận và trả lời câu hỏi

- Gv quan sát, cố vấn

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS thuyết trình sản phẩm thảo luận

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

***\* Cách triển khai văn bản thông tin***

*Văn bản Trò chơi cướp cờ chủ yếu triển k*[*hai thông tin theo trật tự*](https://blogtailieu.com/) *thời gian: đầu tiên, tiếp theo, sau đó, kết thúc.*

**Nội dung 3. Khái quát đặc trưng thể loại**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói.  
- Văn bản thông tin giới thiệu quy tắc của một trò chơi với cấu trúc 3 phần rõ ràng.

- Sử dụng thuật ngữ, con số, từ ngữ chỉ thời gian, số từ chỉ số lượng chính xác.

- Có hình ảnh minh họa rõ ràng cho văn bản.

**d.Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV cho HS thảo luận theo cặp bàn, ghi ý kiến của nhóm mình, với yêu cầu:

*Nhận xét những nét đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của VB.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Các nhóm HS đọc kĩ VB, lần lượt thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV.

- GV theo dõi, hỗ trợ.

**Bước 3: Báo cáo thảo luận**

- Đại diện từng nhóm HS trình bày.

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**-** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần), chốt kiến thức, chuyển sang phần luyện tập, vận dụng.

1. **Hoạt động LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi *“Cướp cờ”* để hướng dẫn học sinh củng cố kiến thức đã học

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS, thái độ khi tham gia trò chơi

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ:

*Gv tổ chức trò chơi “Cướp cờ” để hướng dẫn học sinh củng cố lại kiến thức đã học.*

Câu 1: Thể loại của trò chơi cướp cờ là gi?

**A. Văn bản thông tin**

B. Miêu tả

C. Tự sự

D. Nghị luận

Câu 2: Văn bản trò chơi cướp cờ có mấy phần?

A. 4

B. 5

**C. 3**

D. 6

Câu 3: Thông tin trong văn bản Trò chơi cướp cờ được triển khai theo cách nào?

**A. theo trật tự thời gian**

B theo trật tự mùa

C. theo trật tự con người

D. theo trật tự sắp xếp

Câu 4: Cách triển khai thông tin ấy có tác dụng gì trong việc thực hiện mục đích của văn bản?

**A. Cách triển khai thông tin theo trật tự thời gian là phương pháp hiệu quả để thực hiện mục đích của văn bản giúp bạn đọc dễ dàng hình dung thứ tự các bước chơi và nhiệm vụ của từng người chơi**

B. cách triển khai thông tin theo trật tự thời gian là phương pháp hiệu quả để thực hiện mục đích của văn bản giúp bạn đọc dễ dàng hình dung các bước chơi và nhiệm vụ của từng người chơi.

C. cách triển khai thông tin theo trật tự không gian là phương pháp hiệu quả để thực hiện mục đích của văn bản giúp bạn đọc dễ dàng hình dung thứ tự các bước chơi và nhiệm vụ của từng người chơi.

D. cách triển khai thông tin theo trật tự thời gian là phương pháp hiệu quả để thực hiện mục đích của văn bản giúp bạn đọc dễ dàng hình dung người tham gia các bước chơi và nhiệm vụ của từng người chơi.

Câu 5: Tìm trong văn bản trên những thông tin về luật chơi của trò chơi cướp cờ.

A. Người chơi

B. Trọng tài

C. Luật cho 2 đội

**D. Cả 3 đáp án trên**

Câu 6: Đâu là nội dung phần 1?

**A. Giới thiệu mục đích của quy trình.**

B. Liệt kê những thứ cần chuẩn bị trước khi chơi

C. Trình bày cách chơi

D. Luật thắng trò chơi

**Câu 7:** Đâu là mục đích của trò chơi cướp cờ mà tác giả đề cập đến?

A. Góp phần rèn luyện tư duy thần thánh, ứng dụng trong thi đấu thể thao.

**B. Tạo không khí vui vẻ, thi đua, tính tập thể, tinh thần đoàn kết khi chơi.**

C. Góp phần làm nên lịch sử cá nhân, trường lớp.

D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 8:** Số lượng người chơi trong trò chơi cướp cờ là bao nhiêu?

**A. Không hạn chế**

B. 5 người trở lên

C. 2 người một đội.

D. Không có quy định

**Câu 9:** Nên chọn địa điểm như thế nào để chơi cướp cờ?

A. Gồ ghề, nhiều đá sỏi

B. Gần sông suối, ao hồ

**C. Rộng rãi, bằng phẳng**

D. Tác giả không nói đến.

**Câu 10:** Vạch mốc xuất phát cần phải được kẻ tại đâu?

**A. Mỗi đầu sân chơi**

B. Một đội nào đó, đội đó sẽ được coi là chủ cờ

C. Chỗ cắm cờ

D. Không có vạch mốc xuất phát

**Câu 11:** Đặc điểm nào về loại từ góp phần thực hiện mục đích của văn bản này?

A. Câu sử dụng nhiều danh từ.

B. Câu sử dụng nhiều trợ từ.

**C. Câu sử dụng nhiều động từ.**

D. Câu sử dụng nhiều từ ngữ để chỉ luật lệ trò chơi

**Câu 12:** Đặc điểm nào về đề mục góp phần thực hiện mục đích của văn bản này?

A. Sử dụng đề mục để tạo điểm nhấn cho văn bản như: a. Mục đích, b. Chuẩn bị, c. Hướng dẫn cách chơi.

B. Sử dụng đề mục để tóm tắt những thông tin chính của văn bản như: a. Mục đích, b. Chuẩn bị, c. Hướng dẫn cách chơi.

C. Các từ ngữ ở đề mục đều có tính chất luật lệ.

**D. Cả B và C.**

**Câu 13:** Đặc điểm nào về phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ góp phần thực hiện mục đích của văn bản này?

A. Sử dụng các số liệu.

B. Sử dụng các cấu trúc câu mang tính hướng dẫn.

C. Cấu trúc văn bản không theo cách thông thường.

**D. Sử dụng hình ảnh minh hoạ cách chơi**

**Câu 14:** Đâu là ưu điểm của trò chơi dân gian so với trò chơi có sử dụng các thiết bị công nghệ?

A. Người chơi được tham gia vận động trong một không gian mở

B. Người chơi được tương tác, kết nối, phối hợp cùng các bạn chơi khác, cảm nhận được tình đồng đội, sự đoàn kết khi chơi

C. Người chơi được luyện tập một số kĩ năng như: lắng nghe, quan sát, nhanh nhẹn, khéo léo,…

**D. Tất cả các đáp án trên.**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ;

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động

- Hs tham gia trò chơi, trả lời câu hỏi

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá.

1. **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn, lập sơ đồ.

**c. Sản phẩm học tập:** đoạn văn, sơ đồ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

1. *Viết một đoạn văn (khoảng 100 chữ) nêu một vài ưu điểm của trò chơi dân gian (cướp cờ, đá cầu, kéo co,…) so với trò chơi có sử dụng các thiết bị công nghệ.*
2. *Em hãy thiết kế luật chơi của trò chơi cướp cờ bằng sơ đồ.* (giao về nhà)

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ   
**Bước 3: Báo cáo, thảo luận  
-** GV gọi 1 số HS báo cáo sản phẩm học tập.  
- Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá.

**Rubric đánh giá viết đoạn văn theo chủ đề**:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Tiêu chí** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **Đoạn văn có chủ đề:** *ưu điểm của trò chơi dân gian so với trò chơi sử dụng thiết bị công nghệ hiện đại* **(10 điểm)** | Nội dung đoạn văn còn sơ sài; mắc một số lỗi chính tả, ngữ pháp.  ( 5 – 6 điểm) | Nội dung đoạn văn tương đối chi tiết; trình bày thuyết phục về những ưu điểm của trò chơi dân gian.  (7- 8 điểm) | Nội dung đoạn văn chi tiết; trình bày được suy nghĩ riêng có sức thuyết phục về chủ đề, diễn đạt sáng tạo, có cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp.  (9- 10 điểm) |

**PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT**

**Nhiệm vụ: Hãy đọc lại đoạn văn của mình và hoàn chỉnh đoạn văn bằng cách trả lời các câu hỏi sau:**

1. Bài viết  đảm bảo hình thức đoạn văn chưa?

... ...........................................................................................................................

2. Nội dung đã đảm bảo các ý chưa? Nếu chưa cần bổ sung những ý nào?

..............................................................................................................................

3. Bài viết có sai chính tả không? Nếu có em sửa chữa như thế nào?

.............................................................................................................................

4. Bài viết đã thể hiện sự thuyết phục về ưu điểm của trò chơi dân gian so với trò chơi sử dụng thiết bị công nghệ hiện đại chưa? Nếu chưa hãy bổ sung.

**Đoạn văn tham khảo**

Xã hội ngày càng phát triển, nền công nghệ điện tử cũng ngày một hiện đại góp phần tạo ra vô vàn những trò chơi điện tử đa dạng. Trò chơi điện tử thu hút người chơi bởi sự hiện đại, phong phú và nội dung lôi cuốn thế nhưng chúng ta không thể phủ nhận một số những ưu điểm nổi bật của trò chơi dân gian so với trò chơi có sử dụng các thiết bị công nghệ. Trò chơi dân gian như cướp cờ, đá cầu, kéo co,… không những tạo không khí vui vẻ, mang tính tập thể, tinh thần đoàn kết khi chơi mà còn góp phần rèn luyện thể lực, sự khéo léo, nhanh nhẹn, tinh mắt, khả năng phán đoán và chuyển hướng hợp lí,… cho người chơi. Đặc biệt trò chơi dân gian còn là một nét văn hóa truyền thống đặc sắc của người dân Việt Nam.

Tiết 99-100

**VĂN BẢN 2:**

**CÁCH GỌT CỦ HOA THỦY TIÊN**

***(Theo Giang Nam)***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Nắm được đặc điểm văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản vói mục đích của nó.

- Hiểu được cách triển khai các ý tưởng và thông tin trong văn bản (chẳng hạn: theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng, hoặc các đối tượng được phân loại).

- Nhận biết được tác dụng biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một văn bản in hoặc văn bản điện tử và nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:** Khả năng giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Nhận biết được đặc điểm văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.

- Nhận biết được cách triển khai các ý tưởng và thông tin trong văn bản (chẳng hạn theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng, hoặc các đối tượng được phân loại).

- Nhận biết được tác dụng biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản.

**3. Phẩm chất:** Yêu, trân trọng nét đẹp văn hóa.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

**-** Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học.

- Thiết kế bài giảng điện tử.

- Phương tiện và học liệu: Máy vi tính, máy chiếu đa năng...Phiếu học tập

**2. Học liệu:**

- Đọc tài liệu có liên quan đến thể loại văn bản.

- Đọc phần hướng dẫn **Chuẩn bị** phần Đọc – hiểu văn bản trong sách giáo khoa; chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới.

**b) Nội dung:** Giáo viên cho học sinh xem video.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về quy trình sản xuất kẹo.

**d) Tổ chức thực hiện:1**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ: GV cho HS xem video về gọt củ hoa thủy tiên – chăm sóc và nuôi dưỡng củ thủy tiên trong nước: <https://www.youtube.com/watch?v=TRHBfs4JlOs>  
*? Em có cảm nhận như thế nào sau khi xem video trên? Em hãy chia sẻ suy nghĩ của mình về những người chăm sóc cây, hoa trong cuộc sống?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe, thực hiện.

- GV quan sát

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt động trình bày.

- Hs trả lời

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài.  
**GV dẫn vào bài:***Có thể nói chăm sóc cây, hoa là một nghệ thuật và người chăm sóc cây, hoa điêu luyện có thể được coi là những người nghệ sĩ. Chăm sóc cây, hoa không những để trang trí cho đẹp mắt mà nhiều loại hình chăm sóc cây, hoa đã trở thành giá trị văn hóa truyền thống. Cách chơi hoa thủy tiên cũng vậy. Nó đã trở thành một vẻ đẹp của văn hóa Hà thành. Vậy để tạo ra chậu hoa có vẻ đẹp “ngũ phẩm” này, người vun trồng đã phải thực hiện những công việc nào. Để trả lời cho câu hỏi đó, chúng ta cùng đi tìm hiểu bài học ngày hôm nay: Cách gọt củ hoa thủy tiên.*

1. **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1. Trải nghiệm cùng văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Đọc văn bản và thực hiện một số kĩ thuật đọc thông qua việc trả lời một số câu hỏi trong khi đọc.

- Tìm hiểu chung về văn bản.

**b. Nội dung:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin tìm hiểu chung về thể loại, tác giả và văn bản.

**c. Sản phẩm học tập:** Trả lời được câu hỏi theo dõi, suy luận

***1. Đọc văn bản  
2. Tìm hiểu chung:  
a.Tác giả:*** *Giang Nam, báo Nhân dân ngày 31/01/2021.****b.Tác phẩm:*** *- Thể loại: Văn bản thông tin. Cụ thể là văn bản thông tin giới thiệu về một quy tắc trong hoạt động.  
=> Văn bản Cách gọt hoa thủy tiên thể hiện những đặc điểm của văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc trong một hoạt động:  
 + Dấu hiệu về nội dung và mục đích: giới thiệu quy tắc trong hoạt động gọt củ hoa thủy tiên.  
 + Dấu hiệu về bố cục, hình thức trình bày, ngôn ngữ: Bố cục, đề mục rõ ràng; sử dụng phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ.  
- Phương thức biểu đạt chính: Thuyết minh.   
- Bố cục: gồm 3 phần:*

*Phần 1: Từ đầu….*cầm thấy chắc tay:*quy trình chuẩn bị.*

*Phần 2: Tiếp theo…*cái lý của người chơi hoa thủy tiên là thế*: Cách gọt tỉa.*

*Phần 3: Còn lại: thủy dưỡng.*

**d. Tổ chức thực hiện:1**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ:  
+ GV hướng dẫn HS đọc VB: Đọc kĩ từng phần của văn bản:  đọc to, rõ ràng; cách ngắt nhịp nghỉ khi đọc, chú ý các chỉ dẫn trong hộp bên tuyến phải trang sách – chủ yếu kĩ năng theo dõi, suy luận. (Ở VB này, các em chú ý đến những trình tự chỉ các hoạt động được mô tả ở nội dung 2. Ngâm nước và gọt tỉa và 3. Thủy dưỡng)  
- GV gọi 1 - 2 HS đọc VB theo kĩ năng đã hướng dẫn  
- Thảo luận theo cặp hoàn thành Phiếu học tập:

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HT: Tìm hiểu khái quát tác giả và văn bản Đọc văn bản *Cách gọt củ hoa thủy tiên* và trả lời các câu hỏi sau:** | |
| **Câu hỏi tìm ý** | **Trả lời** |
| - Tên tác giả |  |
| - Nêu xuất xứ của văn bản. |  |
| - Xác định thể loại, phương thức biểu đạt chính của văn bản. |  |
| -  Đề tài của văn bản là gì? Em dựa vào đâu để xác định điều đó? |  |
| - Nêu bố cục của văn bản. |  |

- HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Hs làm việc cá nhân

- GV quan sát

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.

**Hoạt động 2: Suy ngẫm và phản hồi**

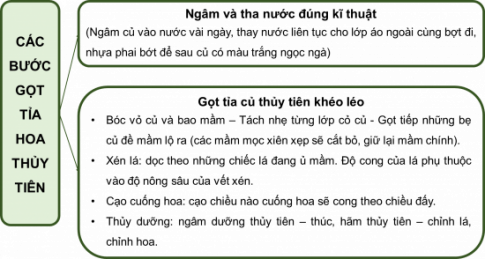
**a. Mục tiêu:**+ Nắm được những đặc điểm về hình thức nghệ thuật của văn bản thông tin: thông tin cơ bản, thông tin chi tiết, các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ.  
+ Nhận biết được cách triển khai ý tưởng và thông tin trong VB.  
**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS  
***Nhóm 1: Đặc điểm văn bản thông tin cách gọt củ hoa thủy tiên***

|  |  |
| --- | --- |
| ***Đặc điểm văn bản thông tin*** | |
| *1.Mục đích* | *Hướng dẫn cách gọt củ hoa thủy tiên* |
| *2.Cấu trúc văn bản:* | *Giới thiệu mục đích của quy trình, liệt kê những thứ cần được chuẩn bị trước khi thực hiện, trình bày các bước thực hiện.* |
| *3.Về đặc điểm hình thức* | *+ Sử dụng các con số để đánh dấu trình tự thực hiện và một số từ ngữ chỉ thời gian như: trước tiên, đầu tiên, trước khi, sau hai ngày  + Sử dụng một số thuật ngữ liên quan đến chăm sóc hoa, cây cảnh như: củ hoa, cuống hoa, thuỷ dưỡng, chỉnh lá, chỉnh hoa... sử dụng câu chứa nhiều động từ.  + Sử dụng hệ thống đề mục để tóm tắt những thông chính của VB  + Sử dụng tranh ảnh minh hoạ cách thức thực hiện.* |

***Nhóm 2: Cách triển khai thông tin trong văn bản****-* [*Thông tin cơ bản c*](https://blogtailieu.com/)*ủa đoạn văn là miêu tả cách thức gọt tỉ*[*a củ hoa thuỷ tiên, cách*](https://blogtailieu.com/) *triển khai thông tin của đoạn văn này là sự kết hợp giữa cách tri*[*ển khai theo trật tự thời*](https://blogtailieu.com/)[*gian và theo mối quan hệ n*](https://blogtailieu.com/)*hân quả.****Nhóm 3: Yếu tố phi ngôn ngữ trong văn bản****-* [*Loại phương tiện phi*](https://blogtailieu.com/) *ngôn ngữ được sử dụng trong VB này [là](https://blogtailieu.com/) các hình ảnh minh hoạ   
=> [Tác dụng: tăng tính trực](https://blogtailieu.com/) quan cho thông tin của VB, kết hợp với [thông tin trong VB, giúp](https://blogtailieu.com/) người đọc hình dung rõ về các bước cần thực hiện trong hoạt* [*động gọt củ hoa thuỷ tiên,*](https://blogtailieu.com/)[*góp phần tạo hứng thú c*](https://blogtailieu.com/)*ho người đọc.*

***Nhóm 4: Vẽ sơ đồ các bước gọt tỉa hoa thủy tiên***



**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV chia lớp làm 4 nhóm thực hiện các nhiệm vụ sau:  
+ Nhóm 1: Hoàn thành PHT sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Đặc điểm văn bản thông tin** | |
| 1.Mục đích |  |
| 2.Cấu trúc văn bản: |  |
| 3.Về đặc điểm hình thức |  |

+ Nhóm 2: Xác định thông tin cơ bản và cách triển khai thông tin trong đoạn văn: “Phải chăm chú quan sát, theo dõi cách nghệ nhân Nguyễn Phú Cường,... Đấy là vì, nếu không “tác động” sớm, từ trước khi những cái mầm nhú lên, thì tất cả lá, giò hoa, đều lên thẳng đuỗn như những mớ hành”. Theo em, vì sao tác giả chọn cách triển khai thông tin như vậy ở đoạn văn này?  
+ Nhóm 3: Loại phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản này là gì? Chỉ ra tác dụng của chúng đối với việc thể hiện nội dung văn bản.  
+ Nhóm 4: Vẽ sơ đồ tóm tắt các bước gọt tỉa củ hoa thuỷ tiên.  
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.  
**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS thảo luận và trả lời câu hỏi  
- Gv quan sát, cố vấn  
**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- HS thuyết trình sản phẩm thảo luận  
- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  
**Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**Nội dung 2. Khái quát đặc trưng thể loại**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói.  
- Văn bản thông tin giới thiệu quy tắc của một hoạt động.

- Sử dụng thuật ngữ, con số, từ ngữ chỉ thời gian, số từ chỉ số lượng chính xác.

- Có hình ảnh minh họa rõ ràng cho văn bản.

**d.Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV cho HS thảo luận theo cặp bàn, ghi ý kiến của nhóm mình, với yêu cầu:

*Nhận xét những nét đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của VB.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Các nhóm HS đọc kĩ VB, lần lượt thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV.

- GV theo dõi, hỗ trợ.

**Bước 3: Báo cáo thảo luận**

- Đại diện từng nhóm HS trình bày.

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**-** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần), chốt kiến thức, chuyển sang phần luyện tập, vận dụng.

**C. Hoạt động LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi “Yêu hoa” để hướng dẫn học sinh củng cố kiến thức đã học.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS, thái độ khi tham gia trò chơi

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ:

Câu 1 : Theo văn bản, người Hà Nội thường cầu kì trong cách chơi hoa ngày Tết, cầu kì nhất phải kể đến cách chơi hoa gì?

1. Hoa sen. B. Hoa rơn. **C. Hoa thủy tiên.** D. Hoa hồng.

Câu 2 : Vì sao bẵng mấy mươi năm, thú chơi hoa thủy tiên biến mất, nghề chơi hoa cũng chẳng còn?

**A.Việc chăm hoa thủy tiên rất mực tỉ mỉ, công phu.**

B.Hoa thủy tiên ngày càng hiếm.

C.Không có hoa thủy tiên đẹp để chơi.

D.Tất cả đáp án trên.  
Câu 3 : Theo văn bản, cứ sắp sang tháng nào thì bắt đầu mùa gọt thủy tiên?

A. Tháng Ba. B.Tháng Hai. C.Tháng Giêng **D.Tháng Chạp.**

Câu 4 : Để gọt thủy tiên, cần chuẩn bị những gì?

1. Dụng cụ cắt tỉa gọt. B. Củ thủy tiên.   
   C. Đất xốp. **D. A và B đúng.**

Câu 5 : Vì sao phải gọt thủy tiên khi lá, giò hoa mới là những mầm vẫn đang ngủ yên trong củ?  
A. Sợ sâu sẽ ăn hết lá, giò hoa.

1. **Nếu không “tác động” sớm, từ trước khi những cái mầm nhú lên, thì tất cả lá, giò hoa, đều lên thẳng đuỗn như những mớ hành.**
2. Lúc đó là lúc thủy tiên đẹp nhất, tươi nhất.
3. Tất cả đáp án trên.  
   Câu 6 : Việc “thúc”, “hãm” thủy tiên phải dựa vào yếu tố nào?
4. Nước B. Đất **C. Thời tiết** D. Tất cả đáp án trên

Câu 7 : Bát thủy tiên được coi là đẹp khi nào?

1. Khi đạt đến “tam phẩm” B. Khi đạt đến “nhất phẩm”.

**C. Khi đạt đến “ngũ phẩm”**  D. Khi đạt đến “tứ phẩm”.

Câu 8 : Theo nghệ nhân Nguyễn Phú Cường, cái đẹp nhất của thủy tiên là gì?

A.Là đẹp hoa, đẹp lá, đẹp rễ, đẹp thân và tổng thể dáng thế hài hòa.

**B.Là cái đẹp khi người ta chăm hoa, để rồi rèn tâm tính của chính mình.**

C.Là vận dụng cả kĩ thuật lẫn kinh nghiệm, khéo léo, tinh xảo.

D. Tất cả đáp án trên.

Hs tiếp nhận nhiệm vụ:

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ;

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động

- Hs tham gia trò chơi, trả lời câu hỏi

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

**c. Sản phẩm học tập:** đoạn văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ: *Hãy tưởng tượng em là người gọt được bát thủy tiên đẹp. Khi được ngắm thành quả của mình, em có cảm xúc như thế nào? Viết đoạn văn khoảng 5 – 7 câu thể hiện cảm xúc của em.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ:

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ;

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động

- Hs tham gia trò chơi, trả lời câu hỏi

**Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung.  
**Rubric đánh giá viết đoạn văn theo chủ đề**:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Tiêu chí** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **Đoạn văn có chủ đề:** *cảm xúc của bản thân khi được ngắm nhìn bát hoa thủy tiên đẹp do mình gọt được.*  (10 điểm) | Nội dung đoạn văn còn sơ sài; mắc một số lỗi chính tả, ngữ pháp.  ( 5 – 6 điểm) | Nội dung đoạn văn tương đối chi tiết; trình bày cảm xúc ban đầu khi ngắm nhìn bát hoa thủy tiên.   (7- 8 điểm) | Nội dung đoạn văn chi tiết; trình bày được suy nghĩ riêng có sức thuyết phục về chủ đề, diễn đạt sáng tạo, có cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. (9- 10 điểm) |

**PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT**

**Nhiệm vụ: Hãy đọc lại đoạn văn của mình và hoàn chỉnh đoạn văn bằng cách trả lời các câu hỏi sau:**

1. Bài viết  đảm bảo hình thức đoạn văn chưa?

... ...........................................................................................................................

2. Nội dung đã đảm bảo các ý chưa? Nếu chưa cần bổ sung những ý nào?

..............................................................................................................................

3. Bài viết có sai chính tả không? Nếu có em sửa chữa như thế nào?

.............................................................................................................................

4. Bài viết đã thể hiện tình cảm, cảm xúc của mình về vấn đề chưa? Nếu chưa hãy bổ sung.

**Tiết 101-102**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**(SỐ TỪ)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

**-** Nhận biết đượcsố từ, chức năng và ý nghĩa của nó.

- Xác định được số từ và phân biệt các loại số từ.

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của số từ  
- Vận dụng tri thức về số từ trong việc đọc hiểu và tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:** yêu quý ngôn ngữ tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Phiếu học tập, bài trình bày của HS, bảng phụ.

**2. Học liệu:** SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A.HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

*Cách 1:* GV đặt câu hỏi đố vui cho HS: *Một ông sư đi với ba ông sư. Hỏi tất cả có mấy ông sư?*

*Cách 2:* GV cho HS xem video bài hát *Đếm sao:* <https://www.youtube.com/watch?v=IpPQPrhST7s>  
? GV đặt câu hỏi: Em nghe thấy trong bài hát *Đếm sao* có những từ ngữ nào chỉ số lượng? Những từ ngữ đó bổ sung ý nghĩa cho từ ngữ nào trong bài học?  
- HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV quan sát, hỗ trợ

- HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, Gv dẫn dắt vào bài học: Những từ chỉ số lượng trong bài hát trên gọi là *số từ.* Vậy *số từ* là gì? Số từ có đặc điểm gì và thực hiện chức năng nào trong câu. Để làm rõ được những điều đó, cô trò chúng ta cùng đi tìm hiểu bài học ngày hôm nay: *Thực hành tiếng Việt: Đặc điểm và chức năng của số từ.*

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu tri thức tiếng Việt**

**a. Mục tiêu:** Tìm hiểu đặc điểm và chức năng của số từ.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS  
***I. Tri thức tiếng Việt  
1. Xét ví dụ:*** *a. (1) - Các từ ngữ in đậm bổ sung ý nghĩa cho các từ:  
+ Hai → chàng  
+ Một trăm → ván cơm nếp  
+ Một trăm → nệp bánh trưng  
+ chín → ngà  
+ chín → cựa  
+ chín → hồng mao  
+ một → đôi.   
- Các từ được bổ sung đều thuộc từ loại danh từ.   
- Các từ in đậm bổ sung về ý nghĩa số lượng cho danh từ.  
- Các từ ngữ in đậm đứng trước danh từ chỉ số lượng mà nó bổ sung(2) - Các từ in đậm bổ sung ý nghĩa cho các từ:  
+sáu → thứ => “sáu” bổ sung ý nghĩa về thứ tự cho danh từ “thứ”, đứng dau danh từ “thứ”.  
+hai → vợ chồng => “hai” bổ sung ý nghĩa về số lượng cho danh từ “vợ chồng:, đứng trước danh từ “vợ chồng”*

*Các từ hai, một trăm, chín, một, sáu trong các ví dụ trên được gọi là số từ.*

***2. Kết luận***

***Khái niệm:*** *Số từ là những từ chỉ số lượng và thứ tự của sự vật****Đặc điểm và chức năng của số từ:  
 -*** *Khi biểu thị số lượng sự vật, số từ thường đứng trước danh từ. Số từ chỉ số lương bao gồm:  
+ Số từ chỉ số lượng chính xác. VD: một, hai, ba, bốn,...  
+ Số từ chỉ số lượng ước chừng. VD: vài, mươi, dăm...   
- Khi biểu thị số thứ tự của danh từ, số từ thường đứng sau danh từ. VD: nhà mười bảy, phòng số sáu,...***d. Tổ chức thực hiện:  
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**HS tìm hiểu ví dụ, tìm ra lí thuyết về số từ.  
- HS thực hiện nhiệm vụ.  
**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- GV quan sát, hỗ trợ  
- HS thực hiện nhiệm vụ  
**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận  
- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  
**Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

1. **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**Hoạt động: Thực hành tiếng Việt**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được tác dụng của việc mở rộng thành phần chính và trạng ngữ trong câu bằng cụm từ

- Mở rộng thành phần chính và trạng ngữ trong câu bằng cụm từ

- Vận dụng kiến thức về mở rộng thành phần chính và trạng ngữ trong câu bằng cụm từ để đọc hiểu và viết văn bản

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.  
***1. Bài tập 1:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *Câu* | *Số từ được sử dụng* | *Chức năng của số từ* |
| *a* | *một* | *Bổ sung ý nghĩa về số lượng cho danh từ vòng, cây* |
| *b* | *Hai* | *Bổ sung ý nghĩa về số lượng cho danh từ người, đội* |
| *c* | *hai* | *Bổ sung ý nghĩa về số lượng cho danh từ ngày* |
| *d* | *Hai* | *Bổ sung ý nghĩa về thứ tự cho danh từ thứ* |
| *đ* | *dăm* | *Bổ sung ý nghĩa về số lượng cho danh từ cái* |

***2.Bài tập 2:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *Câu* | *Số từ được sử dụng* | *Chức năng của số từ* |
| *A* | *Sáu* | *Biểu thị số thứ tự của danh từ* |
| *Hai* | *Biểu thị số lượng chính xác* |
| *B* | *mười* | *Biểu thị số lượng chính xác* |
| *C* | *hai, ba* | *Biểu thị số thứ tự của danh từ* |
| *D* | *một, rưỡi* | *Biểu thị số lượng chính xác* |

***4. Bài tập 4:****- Nhắc lại công dụng của dấu ngoặc kép:  
+ Dấu ngoặc kép thường được dùng để dẫn lời nói trực tiếp của nhân vật hoặc của người nào đó.   
+ Dấu ngoặc kép còn được dùng để đánh dấu những từ ngữ được dùng với ý nghĩa đặc biệt.  
- Nghĩa thông thường và nghĩa theo dụng ý của tác giả đối với các từ ngữ trong dấu ngoặc kép ở BT4:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Từ ngữ được đánh dấu*** | ***Nghĩa thông thường*** | ***Nghĩa được dùng theo dụng ý của tác giả*** |
| *Chuẩn vị* | *Có vị đúng chuẩn* | *Có vẻ đẹp đúng chuẩn (nói về vẻ đẹp hoa thủy tiên xưa)* |
| *Ngoan* | *Dễ bảo, biết nghe lời (thường nói về trẻ em)* | *(Chiếc lá) dễ uốn nắn, dễ tạo hình nhất.* |

***5. Bài tập 5:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***So sánh về nghĩa*** | ***Cho*** | ***Biếu*** | ***Tặng*** |
| ***Điểm giống nhau*** | *Chuyển vật mình đang sở hữu cho người khác mà không đổi lấy gì cả* | | |
| ***Điểm khác nhau*** | *-Thường dùng trong các trường hợp người trên/lớn tuổi hơn trao cho người dưới/nhỏ tuổi hơn hoặc dùng giữa người ngang hàng*  *- Sắc thái bình thường, thân mật* | *-Thường dùng trong trường hợp người dưới/nhỏ tuổi hơn trao cho người trên/lớn tuổi hơn.*  *- Sắc thái tôn trọng, thành kính.* | *- Dùng để chỉ ý “cho”, “trao cho” nhằm khen ngợi, khuyến khích hay tỏ lòng yêu mến, dùng trong nhiều trường hợp.*  *-Thường được sử dụng các ngày lễ, sinh nhật,...* |

***=>*** *Trong trường hợp câu văn của Nguyễn Quang Thiều trong VB Hương khúc, từ biếu được chọn dùng là hoàn toàn phù hợp vì đó là trường hợp “chị tôi” (người dưới) mang những chiếc bánh khúc nóng hổi đến để trao cho “bà ngoại tôi” (người trên). Cách sử dụng từ biếu đó thể hiện sự kính trọng của tác giả dành cho bà ngoại mình.****Bài tập 6:****a.* ***-*** *So sánh: nâng chiếc bánh khúc – nâng một báu vật****.*** *Tác dụng:   
+ Làm cho câu văn giàu hình ảnh, sinh động  
+ Nhấn mạnh sự nâng niu, trân trọng của tác giả đối với bánh khúc tuổi thơ.  
- So sánh: hạt xôi nếp đẹp – hạt ngọc. Tác dụng:   
+ Tăng sức gợi hình, gợi cảm cho câu văn.  
+ Nhấn mạnh vẻ đẹp ngọc ngà, tinh tế của hạt xôi nếp.****Bài tập 7*** *Các phép liên kết được sử dụng trong đoạn văn:  
- Phép nối: nhưng (2)­  
- Phép lặp từ ngữ: rau khúc (1) – rau khúc (2)   
- Phép liên tưởng: tháng Mười Một (1) – tháng Giêng, tháng Hai (2)  
- Phép thế: tháng Giêng, tháng Hai (2) – Đó (3); lúc gần sáng (3) – những đêm gần sáng như thế (4)***d. Tổ chức thực hiện:   
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ  
\*Nhiệm vụ 1: Thực hành BT 1, 2, 3, 4, 5 (tr.54, 55, sgk)**- GV chuyển giao nhiệm vụ:   
GV mời HS tham gia trò chơi **“Tôi yêu tiếng Việt”** qua các vòng:  
Vòng 1: Con mắt tinh nhanh (BT 1, 2 – Trò chơi Giải cứu đại dương)  
Vòng 2: Tìm từ, đặt câu chứa số từ (BT3)  
Vòng 3: Giải nghĩa từ(BT 4, 5)  
\***Nhiệm vụ 2: Thực hành BT 6, 7**GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi hoàn thành BT 6, 7.  
- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS tham gia bằng hình thức xung phong, thư kí là một HS ghi kết quả.

- GV quan sát, gợi mở.

- HS thực hiện cá nhân, nhóm.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS tích cực động não, trả lời.  
**Bước 4: Kết luận, nhận định**GV chốt, đồng thời có thể vấn đáp HS làm rõ thêm đáp án hoặc mở rộng kiến thức (nếu có).

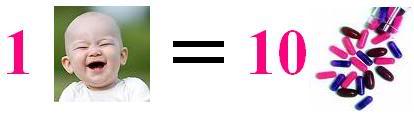
**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

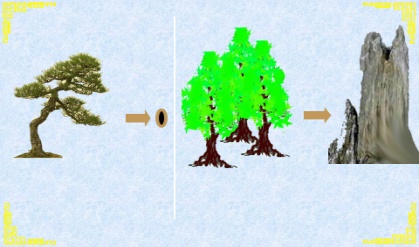
**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

**c. Sản phẩm học tập:**+ Trong tục ngữ *“Đi một ngày đàng, học một sàng khôn”*: số từ *một*, bổ sung ý nghĩa về số lượng cho danh từ *đàng* và *sàng khôn.*+ Trong tục ngữ *“Một nụ cười bằng mười thang thuốc bổ”*: số từ *một,* bổ sung ý nghĩa về số lượng cho danh từ *nụ cười* và số từ mười, bổ sung ý nghãi về số lượng cho danh từ *thang thuốc bổ.*+ Trong câu tục ngữ *“Tháng hai trồng cà, tháng Ba trồng đỗ”:* số từ *Hai, Ba* bổ sung ý nghĩa về thứ tự cho danh từ tháng.  
+ Trong tục ngữ: “*Một cây làm chẳng nên non,*

*Ba cây chụm lại nên hòn núi cao”.*Số từ *một, ba* bổ sung ý nghĩa về số lượng cho danh từ *cây.***d. Tổ chức thực hiện:  
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**Nhiệm vụ 1: Trò chơi “Đuổi hình bắt tục ngữ, thành ngữ”  
 Các hình ảnh dưới đây đều gợi lên những câu tục ngữ, thành ngữ chứa số từ. HS nhìn hình và đoán xem: Hình ảnh đó gợi lên câu tục ngữ, thành ngữ nào?

Nhiệm vụ 2: Chỉ ra số từ trong những câu tục ngữ, thành ngữ trên? Nêu chức năng của những số từ đó

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, gợi mở.

- HS thực hiện nhiệm vụ;

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động, gọi HS trả lời.

- Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**Tiết 103 - 104**

**ÔN TẬP GIỮA KỲ II**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Ôn tập lại các kiến thức đã học ở bài 7.

- Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề.

**2. Về năng lực:**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực nhận diện các đặc điểm của các kiểu văn bản đã học, kĩ năng các kiểu bài viết.

- Tóm tắt được nội dung chính của các các văn bản trong cùng chủ đề.

- Hiểu nghĩa thành ngữ, tục ngữ.

- Nhận biết được đặc điểm hình thức của tục ngữ.

- Nhận biết được các biện pháp tu từ: so sánh, nhân hóa, nói quá, nói giảm nói tránh.

- Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: chịu khó tìm học tài liệu và làm bài tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0,

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a, Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tâp của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV tổ chức trò chơi “Vòng quay văn học”

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS.

*1. Trời nắng chóng trưa, trời mưa chóng tối.*

*2. Trăng quầng thì hạn, trăng tán thì mưa.*

*3. Gió heo mây, chuồn chuồn bay thì bão.*

*4. Tháng Giêng rét đài, tháng Hai rét lộc, tháng Ba rét ngàng Bân*

*5. Chuồn chuồn bay thấp thì mưa,*

*Bay cao thì nắng, bay vừa thì râm.*

*6. Đêm tháng Năm, chưa nằm đã sáng;*

*Ngày tháng Mười, chưa cười đã tối.*

**Câu 1:** Nội dung của các câu tục ngữ trên là gì?

A. Những kinh nghiệm dân gian về con người và xã hội.

B. Những kinh nghiệm dân gian về lao động sản xuất.

**C. Những kinh nghiệm dân gian về thời tiết.**

D. Những kinh nghiệm dân gian về cuộc sống.

**Câu 2**: Xác định số chữ, số dòng, số vế của câu tục ngữ số 2?

A. 8 chữ, 1 dòng, 1 vế. B. 8 chữ, 2 dòng, 1 vế.

**C. 8 chữ, 1 dòng, 2 vế.** D. 8 chữ, 2 dòng, 2 vế.

**Câu 3**: Xác định cặp vần và loại vần trong câu tục ngữ số 5?

A. chuồn - chuồn, vần sát. B. bay - bay, vần sát.

**C. mưa - vừa, vần cách.** D. thấp - vừa, vần cách.

**Câu 4:** Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong câu tục ngữ số 2 và tác dụng của việc sử dụng biện pháp đó?

A. Biện pháp so sánh “trăng tán” làm cho câu tục ngữ trở nên giàu hình ảnh, giàu sức biểu cảm.

B. Biện pháp hoán dụ “trăng quầng” làm cho câu tục ngữ trở nên giàu hình ảnh, giàu sức biểu cảm.

C. Biện pháp điệp từ “thì” làm cho câu tục ngữ trở nên giàu hình ảnh, giàu sức biểu cảm.

**D. Biện pháp điệp từ “thì”, đối “quầng - tán”, “hạn mưa” làm cho câu tục ngữ trở nên giàu hình ảnh, giàu sức biểu cảm.**

**Câu 5**: Xác định số chữ, số dòng, số vế của câu tục ngữ số 4?

A. 13 chữ, 1 dòng, 1 vế. B. 13 chữ, 2 dòng, 1 vế.

C. 13 chữ, 1 dòng, 2 vế. **D. 13 chữ, 1 dòng, 3 vế.**

**Câu 6**: Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu tục ngữ số 6?

A. So sánh. **B. Nói quá.**

C. Nói giảm nói tránh. D. Nhân hóa.

**Câu 7**: Xác định cặp vần và loại vần trong câu tục ngữ số 1?

**A. trưa - mưa, vần cách.** B. nắng - trời, vần sát.

C. nắng - mưa, vần cách. D. nắng - mưa, vần cách.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe và trả lời

- GV quan sát, hỗ trợ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV tổ chức hoạt đông

- HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, dẫn dắt vào bài

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS:

**Hoạt động 1. Đọc hiểu**

**1. Khái niệm**

Tục ngữ là một trong những thể loại sáng tác dân gian. Đó là những câu được sử dụng trong lời nói hàng ngày.

**2. Đặc điểm**

- Về nội dung: Tục ngữ thể hiện những kinh nghiệm của nhân dân về thiên nhiên, lao động sản xuất, con người và xã hội.

- Về hình thức:

+ Thường ngắn gọn (câu ngắn nhất gồm 4 chữ, câu dài có thể trên dưới 16 chữ).

+ Có nhịp điệu, hình ảnh.

+ Hầu hết đều có vần và thường là vần lưng gieo ở 2 tiếng liền nhau (“vần sát”), gieo ở 2 tiếng cách nhau (“vần cách”)

+ Thường có từ 2 vế trở lên. Các vế đối xứng nhau cả về hình thức lẫn nội dung.

+ Thường đa nghĩa nhờ sử dụng biện pháp tu từ, nhất là tục ngữ về con người và xã hội.

**Phần văn bản:** Bài 7. Trí tuệ dân gian (Tục ngữ)

**\*Văn bản 2: Những kinh nghiệm dân gian về thời tiết.**

**1. Tìm hiểu nội dung các câu tục ngữ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung từng câu** | **Nội dung chung của các câu** |
| **Câu 1** | - *Nắng, mưa:* là các hiện tượng thiên nhiên quen thuộc trong cuộc sống con người.  *- Trưa, tối:* Là những khoảng thời gian diễn ra trong một ngày.  - *Chóng*: Là một tính từ chỉ sự mau, nhanh nhảu, chóng vánh.  => Câu tục ngữ ý muốn nói, ngày nắng thì cảm thấy buổi trưa đến sớm hơn vì thời tiết nóng bức, ngột ngạt. Ngày mưa trời âm u nên tối sớm. | Thể hiện những kinh nghiệm của dân gian về thời tiết. |
| **Câu 2** | - *Trăng quầng:* vầng sáng đơn sắc bao quanh mặt trăng(Cụ thể “trăng quầng” là hiện tượng có một quầng sáng trắng hình tròn bao quanh mặt trăng. Vùng sáng này thường được gọi là hào quang của trăng\_.  - *Trăng tán:* vùng sáng nhiều màu bao quanh và không tách ra khỏi mặt trăng.  => Ông cha ta dựa vào hiện tượng “trăng quầng, trăng tán” để dự báo hiện tượng năng mưa: Khi có trăng quầng dự đoán trời dễ nắng nóng, oi bức, hạn; khi có trăng tán thì sẽ dẽ có mưa. |
| **Câu 3** | - *Gió heo may:* gió nhẹ, hơi lạnh và khô, thường thổi vào mùa thu.  => Câu tục ngữ đúc kết kinh nghiệm của ông cha ta: Dự đoán bão sẽ xuất hiện khi mà trời se lạnh và có chuồn chuồn bay. |
| **Câu 4** | ***-*** *Rét đài:* Rét vào khoảng tháng Giêng âm lịch ở miền Bắc Việt Nam.  - *Rét lộc:* Rét vào khoảng tháng Hai âm lịch ở miền Bắc Việt Nam; thời tiết ẩm ướt, thuận lợi cho sự hồi sinh của cây cỏ sau những ngày đông giá buốt.  - *Rét nàng Bân:* đợt rét cuối cùng của mùa đông, xảy ra vào đầu tháng Ba âm lịch ở miền Bắc Việt Nam. Đây là một đợt rét đậm, kéo dài vài ngày và thường kèm theo mưa phùn hoặc mưa nhỏ. Tên gọi bắt nguồn từ truyện cổ tích Nàng Bân (VB đọc kết nối chủ điểm).  => Câu tục ngữ đúc kết kinh nghiệm của nhân dân ta về mùa đông ở miền Bắc Việt Nam. Có thể hiểu cụ thể hơn: Nửa đầu mùa thì lạnh khô, nửa cuối mùa thì lạnh ẩm |
| **Câu 5** | -Trong ngày, khi quan sát cánh chuồn chuồn bay ta có thể [dự đoán được thời tiết](https://voh.com.vn/thoi-tiet-687.html" \t "_blank). Nếu chuồn chuồn bay thấp có nghĩa là trời sắp mưa, nếu chuồn chuồn bay cao có nghĩa là trời sẽ nắng đẹp, còn chuồn chuồn bay vừa, không cao không thấp thì trời sẽ râm mát. |
| **Câu 6** | Đúc kết kinh nghiệm của ông cha ta về hiện tượng: Tháng năm (Âm lịch) ngày dài, đêm ngắn; tháng mười (Âm lịch) ngày ngắn, đêm dài). |
| **Giá trị của những kinh nghiệm đó:**  Giúp chúng ta dự báo thời tiết công việc cho phù hợp  Giúp chúng ta biết cách quan sát các hiện tượng tự nhiên  Giúp chúng ta nhận thức về các hiện tượng tự nhiên | | |

**2. Tìm hiểu nghệ thuật của các câu tục ngữ**

**a. Số chữ, số dòng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Số chữ** | **Số dòng** | **Số vế** |
| 1 | 8 | 1 | 2 |
| 2 | 8 | 1 | 2 |
| 3 | 8 | 1 |  |
| 4 | 13 | 1 | 3 |
| 5 | 14 | 2 |  |
| 6 | 14 | 2 | 2 |

**\* Câu tục ngữ 5 có hình thức là một câu lục bát.**

=>Đặc điểm của tục ngữ thường ngắn gọn.

**b. Vần**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Vần** | **Loại vần** |
| **1** | trưa – mưa | Vần cách |
| **2** | hạn – tán | Vần cách |
| **3** | may – ba | Vần cách |
| **4** | đài – Hai | Vần cách |
| **5** | Mưa – vừa | Vần cách |
| **6** | - Năm – nằm  - sáng – tháng  - Mười – cười | Vần cách |
| **Tác dụng:** Vần tạo sự hài hòa về âm thanh cho các câu tục ngữ. | | |

**c. Biện pháp tu từ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu** | **Biện pháp tu từ** |
| **1** | - Điệp từ *“chóng”.*  - Đối*: nắng >< mưa; trưa ><tối* |
| **2** | - Điệp từ *“thì”*  **-** Đối: *quầng >< tán; hán >< mưa* |
| **5** | -Đối: *thấp >< cao; mưa >< nắng*  -Điệp từ *“bay”* |
| **6** | **-**Đối: *đêm >< ngày; sáng ><tối*  *-Điệp từ “chưa”* |
| **Tác dụng:** Làm cho câu tục ngữ giàu hình ảnh; tạo nhịp điệu dễ nhớ, dễ thuộc. | |

**\*Văn bản 2: Những kinh nghiệm dân gian về lao động sản xuất.**

**1. Tìm hiểu nội dung các câu tục ngữ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung từng câu** | **Nội dung chung của các câu** |
| **Câu 1** | -*Tấc đất:* Chỉ một mảnh đất rất nhỏ.  -*Vàng*: kim loại quý, được đo bằng cân tiểu li, hiếm khi đo bằng tấc; *tấc vàng:* lượng vàng lớn, quý giá vô cùng  => Câu tục ngữ đề cao giá trị của đất đai, ý muốn nói đất đai quý như vàng. Bởi lẽ đất đai giúp chúng ta cày cấy, chăn nuôi, xây nhà cửa, đường xá, cầu cống,...biết khai thác và sử dụng hợp lí đất mãi sinh lời còn vàng khai thác rồi cũng sẽ hết, một mảnh đất nhỏ có giá trị như một lượng vàng lớn là như vậy. | Thể hiện những kinh nghiệm của dân gian về lao động sản xuất. |
| **Câu 2** | - Con người muốn đẹp thì phải chăm chút, tô vẽ cho mình, khoác lên mình những bộ trang phục đẹp, phù hợp. Cũng nư vậy, cây lúa muốn phát triển tốt cần có sự chăm sóc, bón phân để cung cấp chất dinh dưỡng cho nó. |
| **Câu 3** | - Nhai kĩ thì thức ăn sẽ tạo thành các viên nhỏ, làm tăng lượng thức ăn đưa xuống dạ dày nên no lâu.  - Cày sâu thì đất được xới kĩ, tơi xốp, lúa mới dễ hút màu và phát triển tốt.  => Ý câu tục ngữ muốn nói trong cuộc sống, cấy lúa hay làm bất kì việc gì cũng vậy, con người cũng phải làm thật cẩn thận, kĩ càng để công việc thu lại được tốt đẹp. |
| **Câu 4** | - *Ruộng lạ:* Ruộng trồng đổi vụ, vụ này trồng lúa thì vụ sau trồng khoai.  - *Ruộng quen:* ruộng không đổi vụ, quanh năm chỉ để gieo mạ.  => Câu tục ngữ nêu lên một kinh nghiệm trồng trọt, khoai trồng ruộng lạ mới tốt, nhưng mạ phải gieo ở ruộng quen mới tốt |
| **Câu 5** | -*Hư đất:* đất bị trôi màu, cây cối không phát triển tốt được.  - *Hoa đất:* đất màu mỡ, tơi xốp, cây cối phát triển tốt  => Câu tục ngữ ý nói theo quan niệm dân gian mưa tháng Ba tốt cho mùa màng, còn mưa tháng Tư thì ngược lại, làm trôi màu của đất, không tốt cho sự phát triển cây cối. |
| **Câu 6** | -*Lúa chiêm:* lúa gặt vụ tháng Năm âm lịch.  => Vụ chiêm (vụ hè thu) thường gặp khó khăn vì mùa này khô hạn và thiếu nước cung cấp cho cây lúa. Vì thế lúa sẽ chậm phát triển dẫn đến sinh trưởng yếu. Theo quan niệm dân gian , “hễ có tiếng sấm” ý muốn ám chỉ cơn mưa thường có dông kèm theo sấm chớp cung cấp nguồn nước và nguồn đạm dồi dào (từ sự kết hợp của các loại khí trong không khí) làm cho cây lúa đơm bông, kết hạt làm cho mùa màng bội thu như hành động “phất cờ mà lên”. |
| **Giá trị của những kinh nghiệm đó:**  Giúp người nông dân hiểu thêm về giá trị của đất; phê phán hiện tượng lãng phí đất  Hiểu thêm về các yếu tố khác trong lao động sản xuất như chăm sóc, bón phân, nguồn nước, sự tác động của các hiện tượng tự nhiên,... | | |

**2. Tìm hiểu nghệ thuật của các bài ca dao**

**a. Số chữ, số dòng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Số chữ** | **Số dòng** | **Số vế** |
| 1 | 4 | 1 | 2 |
| 2 | 8 | 1 | 2 |
| 3 | 8 | 1 | 2 |
| 4 | 6 | 1 | 2 |
| 5 | 10 | 1 | 2 |
| 6 | 14 | 2 |  |
| Đặc điểm chung: =>Đặc điểm của tục ngữ thường ngắn gọn.  Điểm khác biệt: Câu tục ngữ số 1 rất ngắn, chỉ gồm bốn chữ; câu tục ngữ 6 có hình thức là một câu lục bát | | | |

**b. Vần**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Vần** | **Loại vần** |
| **2** | lụa - lúa | Vần sát |
| **3** | lâu - sâu | Vần cách |
| **4** | lạ - mạ | Vần sát |
| **5** | Tư - hư  Ba - hoa | Vần sát |
| **6** | bờ - cờ | Vần cách |
| **Tác dụng:** Vần tạo sự hài hòa về âm thanh cho các câu tục ngữ. | | |

**c. Biện pháp tu từ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu** | **Biện pháp tu từ** |
| **1** | So sánh, nói quá: đất – vàng  Đối: tấc đất (mảnh đất nhỏ) >< tấc vàng(lượng vàng lớn) |
| **2** | -So sánh: Người đẹp vì lụa – lúa tốt vì phân  -Điệp từ “vì”. |
| **3** | -So sánh: nhai kĩ no lâu – cày sâu tốt lúa |
| **5** | **-**Đối: *hư đất >< hoađất* |
| **6** | -Nhân hóa: lúa chiêm – nép, phất cờ mà lên |
| **Tác dụng:** Làm cho câu tục ngữ giàu hình ảnh, sinh động, tăng sức biểu cảm; tạo nhịp điệu dễ nhớ, dễ thuộc. | |

**Hoạt động 2. Tiếng Việt**

- Nói quá là biện pháp phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả nhằm nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm cho sự diễn đạt.

- Nói giảm nói tránh là biện pháp dùng cách diễn đạt tế nhị, tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề, tránh thô tục, thiếu lịch sự

**Hoạt động 3. Viết**

**VIẾT:** Viết bài văn nghị luận bàn một vấn đề trong đời sống.

**1. Mở bài:** - Giới thiệu vấn đề cần bàn luận.

- Nêu ý kiến của người viết về vấn đề cần bàn luận.

**2. Thân bài:** Triển khai các ý:

- Giải thích từ ngữ, khái niệm quan trọng/ nêu biểu hiện về vấn đề nghị luận (nếu tục ngữ hoặc danh ngôn thì giải thích từ ngữ quan trọng và giải thích ý nghĩa cả câu).

- Bàn luận vấn đề:

+ Khẳng định hay phản đối về vần đề bàn luận.

+ Đưa ra lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến (ít nhất 2 ý kiến).

- Lật lại vấn đề, bổ sung ý kiến để cách nhìn vấn đề thêm toàn diện.

**3. Kết bài:** -Khẳng định lại ý kiến.

-Đề xuất giải pháp, bài học nhận thức và phương hướng hành động.

**\* Yêu cầu cần đạt:**

- Viết được bài văn hoàn chỉnh.

- Nêu được vấn đề cần bàn luận.

- Trình bày được ý kiến tán thành hoặc phản đối của người viết về vấn đề bàn luận.

- Lí lẽ rõ ràng, bằng chứng xác thực, đa dạng, lập luận chặt chẽ.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

*+ Hãy nêu khái niệm, đặc điểm của tục ngữ?*

*+ Cho biết nội dung và nghệ thuật của các câu tục ngữ trong văn bản 1, 2?*

*+ Nói quá là gì? Tác dụng của nói quá?*

*+ Nói giảm nói tránh là gì? Tác dụng của biện pháp nói giảm nói tránh?*

*+ Em hãy lập dàn ý viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe và trả lời

- GV quan sát, hỗ trợ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV tổ chức hoạt đông

- HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung.

**Tiết 105-106**

**KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II**

***Thời lượng thực hiện: 90 phút***

**I. MỤC TIÊU:  
1. Kiến thức, kĩ năng, thái độ  
 a. Kiến thức**:   
- HS nắm vững các kiến thức về Văn, Tiếng Việt và Tập làm văn trong chương trình Ngữ văn lớp 7 từ đầu HKII đến giữa HKII. Kiểm tra kiến thức về khái niệm tục ngữ, phương thức biểu đạt, chủ đề và nội dung chính của văn bản; kiểm tra kiến thức tiếng Việt, nắm được khái niệm, tác dụng của các biện pháp tu từ,; kiểm tra kiến thức và kỹ năng làm văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.  
- Đồng thời qua bài kiểm tra giữa HKII, HS hệ thống và gắn kết các kiến thức của mỗi phần Văn, Tiếng Việt và Tập làm văn để vận dụng trong một bài kiểm tra tổng hợp.  
**b. Năng lực:** HS có kỹ năng vận dụng kiến thức tổng hợp vào bài làm, thực hiện được bốn mức độ từ thấp đến cao là nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao một cách thành thạo, nhuần nhuyễn.  
**c. Thái độ:** chủ động, tích cực  
**2. Định hướng phát triển năng lực học sinh  
a. Năng lực chung**: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, tổng hợp vấn đề.  
**b. Năng lực riêng:** Cảm thụ thẩm mĩ, năng lực ngôn ngữ, tạo lập văn bản   
**II. BẢNG ĐẶC TẢ:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng % điểm** | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | | **Vận dụng** | | |  | | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | | **TL** |  | |
| **1** | **Đọc hiểu** | Trí tuệ dân gian (Tục ngữ)  (Ngữ liệu ngoài SGK “*Chân trời sáng tạo*”). | 5 | 0 | 3 | 1 | 0 | | 1 | **60** | |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | | 1\* | **40** | |
| **Tổng** | | | **25** | **5** | **15** | **25** | **0** | | **30** | **100** | |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **40%** | | | **30%** | | |  | | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **70%** | | | | | **30%** | | |

**III. BẢNG MÔ TẢ MA TRẬN:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Kĩ năng** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | **Tổng**  **%**  **điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** |
| 1 | **Đọc hiểu** | Trí tuệ dân gian(Tục ngữ)  (Ngữ liệu ngoài SGK “*Chân trời sáng tạo*”). | **\*Nhận biết:**  - Thể loại, khái niệm tục ngữ.  - Chủ đề, nội dung các câu tục ngữ.  - Đặc điểm hình thức của tục ngữ: số chữ, số vế, số dòng, cặp vần, loại vần, tác dụng của vần, …  - Nhớ được câu tục ngữ có nội dung tương đương đã được học.  - Các biện pháp tu từ: so sánh, nói quá, nói giảm nói tránh.  - Phép liên kết trong văn bản.  **\*Thông hiểu:**  **-** Tác dụng biện pháp tu từ so sánh, nói quá, nói giảm nói tránh.  - Hiểu nghĩa thành ngữ, tục ngữ.  - Giải thích nghĩa câu tục ngữ/ thành ngữ.  **\*Vận dụng:**  **-** Đặt 2 câu có thành ngữ sử dụng biện pháp nói quá/ thành ngữ cho sẵn.  - Viết từ 2-3 câu nêu được thông điệp tác giả dân gian gửi gắm qua các tục ngữ.  - Viết từ 2-3 câu nêu được bài học kinh nghiệm từ tục ngữ. | 5TN | 3TN  1TL | 1TL | **60** |
| 2 | Viết | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | **\* Nhận biết:** Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản, về vấn đề nghị luận.  **\*Thông hiểu:** Viết đúng về nội dung, về hình thức (Từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản, …)  **\*Vận dụng:**  Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống. Lập luận theo trình tự hợp lý, biết kết hợp giữa lí lẽ và bằng chứng để làm rõ vấn đề nghị luận; ngôn ngữ trong sáng, giản dị; thể hiện được thái độ đồng tình hay phản đối của bản thân trước vấn đề cần bàn luận.  Bằng chứng đa dạng, cụ thể, tiêu biểu, xác thực làm sáng tỏ được ý kiến | 1\* | 1\* | 1\* | **40** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **30%** | **40%** | **30%** | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **70%** | | **30%** |

**IV. ĐỀ KIỂM TRA:**

1. **PHẦN ĐỌC HIỂU**: (6.0 điểm)

**Đọc văn bản sau và thực hiện theo yêu cầu:**

**TỤC NGỮ VIỆT NAM**

1. Học một biết mười.

2. Học ăn, học nói, học gói, học mở.

3. Luyện mãi thành tài, miệt mài tất giỏi.

4. Học khôn đến chết, học nết đến già.

5. Học chẳng hay cày chẳng biết.

6 . Học chẳng hay, thi may thì đỗ.

7. Học như gà bới vách.

8. Dốt đặc còn hơn hay chữ lỏng.

*(Từ điển thành ngữ và tục ngữ việt nam – nxb văn hóa, 1995)*

***Câu 1. Dòng nào nói đặc điểm cơ bản của các văn bản trên?***

A. Ngắn gọn, hàm súc, chứa đựng lời khuyên.

B. Giàu vần điệu, dễ nhớ.

C. Ví von, giàu hình ảnh.

D. Kiệm lời, giàu ý.

***Câu 2. Mười câu tục ngữ trên cùng nói về điều gì?***

A. Phương pháp học.

B. Chọn thầy để học.

C. Vai trò, tác dụng, kinh nghiệm học tập.

D. Học phải kiên trì.

***Câu 3. Xác định số dòng, số tiếng, các vế trong câu tục ngữ “Luyện mãi thành tài, miệt mài tất giỏi” ?***

A. 1 dòng, 7 tiếng, 1 vế. B. 1 dòng, 8 tiếng, 2 vế.

C. 2 dòng, 6 tiếng, 1 vế. D. 2 dòng, 7 tiếng, 1 vế.

***Câu 4. Vần được gieo trong câu “Học chẳng hay, cày chẳng biết” là gì ?***

A. Hay – chẳng. B. Học – chẳng.

C. Chẳng – biết. D. Hay - cày.

***Câu 5. Câu tục ngữ “Học khôn đến chết, học nết đến già” có mấy vế, khuyên con người điều gì?***

A. Một vế, khuyên không ngừng học tập để nâng cao hiểu biết.

B. Hai vế, khuyên không ngừng học tập để nâng cao hiểu biết.

C. Hai vế, khuyên người già vẫn phải học.

D. Hai vế, khuyên người già học khôn, học nết rất nhanh.

***Câu 6. “Học ăn, học nói, học gói, học mở” khuyên ta điều gì?***

A. Điều gì cũng cần phải học.

B. Học ăn nói trước tiên.

C. Học gói mở để là trở thành người khéo léo.

D. Không học hỏi sẽ là người vụng về.

***Câu 7. Dòng nào nói lên ý nghĩa của câu tục ngữ “Dốt đặc còn hơn hay chữ lỏng”.***

A. Đã học là phải hiểu kỹ.

B. Thà không biết còn hơn là biết lơ mơ.

C. Biết lơ mơ thì đừng nói.

D. Nói năng cần chặt chẽ.

***Câu 8. Chọn từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống để hoàn thành khái niệm sau:***

Nói quá là biện pháp …. của sự vật, sự việc, hiện tượng được miêu tả nhằm nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm cho sự diễn đạt.

A. phóng đại mức độ, quy mô B. tránh gây cảm giác đau buồn, ghê sợ

C. dùng cách diễn đạt tế nhị D. phóng đại mức độ, quy mô, tính chất

***Câu 9: Câu tục ngữ nào cho em bài học hữu ích nhất? Vì sao? (1.0 điểm)***

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

***Câu 10: Đặt câu với các thành ngữ sau: “Chậm như rùa”, “nhanh như chớp” (1.0 điểm)***

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**II. Viết: (4.0 điểm) Viết bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) trình bày suy nghĩ của em về vẫn đề bạo lực học đường hiện nay.**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**V. ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| I |  | **Đọc hiểu** | **6.0** |
| 1 | A | 0,5 |
| 2 | C | 0,5 |
| 3 | B | 0,5 |
| 4 | B | 0,5 |
| 5 | A | 0,5 |
| 6 | B | 0,5 |
| 7 | D | 0,5 |
| 8 | D | 0,5 |
| 9 | - HS chọn một câu tục ngữ có ý nghĩa khiến mình suy nghĩ, lưu tâm (có thể làm sâu sắc hơn một điều mình còn mơ hồ, có thể đưa đến một lời khuyên mới…)  - Giải thích ngắn gọn ý nghĩa câu tục ngữ đó và nói rõ lí do khiến mình nhận ra bài học hữu ích (2 lí do trở lên) | 1.0 |
| 10 | ***- HS đặt được câu với các thành ngữ đã cho.***  *HS có thể có nhiều cách trả lời, miễn phù hợp, GV linh hoạt ghi điểm.* | 1.0 |
|  |  | **VIẾT** | **4,0** |
| **a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận**  Mở bài: Nêu được vấn đề; Thân bài: Triển khai được vấn đề; Kết bài: Khái quát được vấn đề. | **0,25** |
| **b. Xác định đúng yêu cầu của đề:**  Bàn về vấn nạn bạo lực học đường trong nhà trường của học sinh. | **0,25** |
| **c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm**  Học sinh có thể trình bày bài viết theo nhiều cách trên cơ sở thể hiện được quan điểm và lí giải quan điểm một cách thuyết phục. Dưới đây là hướng dẫn gợi ý viết bài:  **I. Mở bài:**  - Giới thiệu vấn đề cần bàn luận: bạo lực học đường.  - Nêu ý kiến của mình về vấn nạn bạo lực học đường trong nhà trường hiện nay.  **II. Thân bài:**  **1.Giải thích:**  Giải thích được từ ngữ, khái niệm quan trọng.   1. **Bàn luận:** Khẳng định ý kiến tán thành hoặc phản đối về vấn đề bạo lực học đường. Trình bày các lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến.   - Nêu ít nhất hai lí lẽ thuyết phục, chặt chẽ.  - Nêu bằng chứng thuyết phục để củng cố cho lí lẽ.  **3. Lật lại vấn đề:** Nhìn nhận vấn đề ở chiều hướng ngược lại, trao đổi với ý kiến trái chiều...để cách nhìn về vấn đề thêm toàn diện.  **III. Kết bài:**  - Khẳng định lại ý kiến của mình.  - Đề xuất giải pháp, bài học nhận thức và phương hướng hành động.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Mức độ bàn luận thuyết phục, sâu sắc: 3,0 điểm.*  *- Mức độ bàn luận thuyết phục, hợp lí : 2,5 điểm.*  *- Mức độ bàn luận còn chung chung, đảm bảo cơ bản các yêu cầu: 2,0 điểm*  *- Mức độ bàn luận sơ sài: 1,0 - 1,5 điểm.*  *- Bàn luận chưa đúng, lạc ý: 0,0 điểm.* | **3,0**  0,5  2,0  0,5 |
| **d. Chính tả, ngữ pháp**  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng việt, ngôn ngữ trong sáng. | **0,25** |
|  |  | **e. Sáng tạo:** Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận. Cách diễn đạt mới mẻ, sáng tạo, sinh động. | **0,25** |
|  |  | **Lưu ý khi chấm bài:**  *Trong quá trình chấm GV có thể linh hoạt đối với bài làm của HS, tránh áp đặt theo khuôn mẫu.* |  |

**VI. THỐNG KÊ KẾT QUẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Lớp** | **Sĩ số** | **Kém** | | **Yếu** | | **TB** | | **Khá** | | **Giỏi** | | **TB trở lên** | |
| 0.0 đến < 3.5 | | 3.5 đến < 5.0 | | 5.0 đến < 6.5 | | 6.5 đến < 8.0 | | 8.0 đến 10.0 | | 5.0 đến 10.0 | |
| SL | TL% | SL | TL% | SL | TL% | SL | TL% | SL | TL% | SL | TL% |
| 1 | 7A2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | 7A4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**VII. NHẬN XÉT, RÚT KINH NGHIỆM**

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . ..

. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

**Tiết 107**

**TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**I. MỤC TIÊU:**

***1. Về kiến thức:***

- HS nắm vững các kiến thức về các văn bản, tiếng Việt và phần viết trong chương trình Ngữ văn lớp 7 từ đầu HKI đến giữa kì HKII.

- Qua tiết trả bài kiểm tra giữa học kỳ II, HS nhận ra những điều làm được và chưa làm được để rút kinh nghiệm cho các bài làm sau.

***2.Về năng lực:***

**a. Năng lực chung:**

Phát triển năng lực hiểu, cảm nhận về tác phẩm văn học; biết cách dùng từ, đặt câu, biết cách viết một bài văn hoàn chỉnh.

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành bài văn.

- Năng lực tiếp thu luyện kỹ năng sửa chữa lỗi trong bài kiểm tra của bản thân và của bạn.

*3.Về phẩm chất:* Chủ động, nghiêm túc chỉnh sửa những lỗi trong bài kiểm tra.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1.Thiết bị dạy học:**

- Tài liệu kế hoạch dạy học

- Bài của học sinh, đề bài, hướng dẫn chấm – biểu điểm.

**2.Học liệu:**

 Kiến thức liên quan trong đề kiểm tra.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a.Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng khởi cho HS.

**b.Nội dung:**GV kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.

**c. Sản phẩm:**HS chuẩn bị kiến thức đã có trong đề kiểm tra

**d.Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS chia sẻ: *Em đã xem lại phần kiến thức đã kiểm tra trong bài kiểm tra hôm trước chưa?*

**B2. Thực hiện nhiệm vụ**

- HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành bài tập thân để trình bày trước lớp.

**B3. Báo cáo thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ.

**B4. Kết luận nhận định**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã chia sẻ.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Tiết học hôm nay sẽ nhận xét và chữa bài kiểm tra giữa kì*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1:** Nhắc lại, khắc sâu yêu cầu của kiểu bài

**a.Mục tiêu:** Hiểu rõ được những yêu cầu của kiểu bài.

**b.Nội dung:** HS sử dụng bài làm, so sánh với đáp án GV đưa ra.

**c.Sản phẩm :** HS so sánh bài làm với đáp án.

**d.Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV dựa vào đáp án phần đọc hiểu, yêu cầu HS nhắc lại kiến thức.

- GV cho HS nhắc lại yêu cầu chung của kiểu bài và những lưu ý khái quát của kiểu bài viết bài văn nghị luận xã hội.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ**

- HS lắng nghe, thực hiện theo yêu cầu của GV.

**B3. Báo cáo thảo luận**

- GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.

**B4. Kết luận nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**Hoạt động 2:** Nhận xét ưu, khuyết điểm, trả bài

**a.Mục tiêu:** Nhận ra ưu, khuyết điểm của bản thân và cách sửa chữa.

**b.Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** HS rút kinh nghiệm bài viết.

**d.Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt ở bài viết của HS, chọn phân tích một số bài viết thuộc các mức độ khác nhau để HS rút kinh nghiệm.

**\* Kiến thức:**

**+ Nội dung kiến thức HS đã nắm vững:**

- Thể loại NLXH, những dấu hiệu đặc trưng của thể loại NLXH

- Biện pháp nói quá, nói giảm, nói tranh.

- Số từ- khái niệm, phân loại.

- Chủ đề, thông điệp mà tục ngữ muốn gửi đến người đọc.

- Nghĩa của thành ngữ, đặc điểm và chức năng của tục ngữ.

**+ Nội dung kiến thức còn yếu:**

Một số bài làm, HS chưa phân biệt biện pháp tu từ được nói quá và nói giảm, nói tránh. .

**\* Kỹ năng:**

+ Các kỹ năng HS đã nắm vững:

- Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của các câu tục ngữ trong ngữ liệu

- Xác định được yêu cầu của kiểu bài nghị luận xã hội.

- Trình bày nội dung bài viết theo bố cục rõ ràng.

- Viết được bài văn NLXH về một vấn đề quan tâm.

+ Các kỹ năng còn yếu:

- Còn 1 số bài chưa nêu được quan điểm, ý kiến về vấn đề XH quan tâm, không tập trung vào yêu cầu của đề bài.

- Kỹ năng diễn đạt chưa tốt, nhiều bài viết HS còn mắc lỗi chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.

- Còn nhầm lẫn giữa kiểu bài viết đoạn văn với bài văn, tách ý chưa rõ ràng, còn nhiều bài viết phần thân đoạn diễn đạt chưa rõ ràng, mạch lạc.

- GV yêu cầu HS chỉnh sửa theo hướng dẫn và những phân tích, bổ sung ở trên.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ**

- HS nghe yêu cầu, tự sửa các lỗi trong bài làm của mình và rút kinh nghiệm.

**B3. Báo cáo thảo luận**

- GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.

**B4. Kết luận nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

- Hướng dẫn HS về nhà viết lại bài văn.

**C. HOẠT ÐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể nhằm củng cố và nâng cao các kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.

**c. Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

❓ Thực hiện một số câu trong đề đặc biệt là phần tự luận mà HS còn yếu về kiến thức và kĩ năng.

Yêu cầu HS thảo luận nhóm bàn theo tổ, ghi vào phiếu học tập:

- Tổ 1: Chữa lỗi dùng từ

- Tổ 2: Chữa lỗi diễn đạt

- Tổ 3,4: Chữa lỗi kiến thức

- HS thực hiện nhiệm vụ, trình bày.

- GV Lựa chọn đoạn văn, bài văn hay, cho HS đọc để học tập lẫn nhau

**B2. Thực hiện nhiệm vụ**

HS thực hiện theo nhóm, cá nhân

**B3. Báo cáo thảo luận**

Hs trình bày

**B4. Kết luận nhận định:** GV kết luận

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn, mở rộng kiến thức cho hs.

**b. Nội dung**: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- Qua tiết trả bài em rút ra kinh nghiệm gì khi làm bài ?

- Tự sửa chữa bài làm của bản thân. Các bài yếu kém viết lại bài tập 2 phần tự luận.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ**

HS thực hiện theo nhóm

**B3. Báo cáo thảo luận**

HS đại diện trình bày

**B4. Kết luận nhận định**

HS nhận xét, GV kết luận

**IV. Phụ lục:**

*Đính kèm đè kiểm tra văn 7 giữa học kì 1*

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II**

**A. ĐỌC HIỂU: (6,0 điểm)**

***Học sinh đọc ngữ liệu và khoanh tròn vào chữ cái đáp án em cho là đúng (từ câu 1 đến câu 8).***

1.Chớp đông nhay nháy, gà gáy thì mưa.

2.Tháng ba mưa đám, tháng tám mưa cơn.

3.Gió heo may, chẳng mưa dầm thì bão giật.

4. Tháng bảy kiến bò, chỉ lo lại lụt.

5. Rét tháng ba, bà già chết cóng.

6. Quạ tắm thì ráo, sáo tắm thì mưa.

**Câu 1: Em hiểu thế nào là tục ngữ?**

A. Tục ngữ là một thể loại sáng tác dân gian, thể hiện những kinh nghiệm của nhân dân về thiên nhiên, lao động...

B. Tục ngữ là một trong những thể loại của văn học viết, thể hiện những kinh nghiệm của nhân dân về thiên nhiên, lao động sản xuất, con người và xã hội.

C. Tục ngữ thể hiện những kinh nghiệm của nhân dân về lao động sản xuất, con người và xã hội.

D. Tục ngữ là một trong những thể loại sáng tác dân gian, thể hiện những triết lí của nhân dân.

**Câu 2: Những câu tục ngữ trên cùng nói về điều gì?**

A. Những kinh nghiệm dân gian về con người và xã hội.

B. Những kinh nghiệm dân gian về lao động sản xuất.

C. Những kinh nghiệm dân gian về thời tiết.

D. Những kinh nghiệm dân gian về cuộc sống.

**Câu 3: Câu tục ngữ nào có cùng chủ đề với các câu tục ngữ trên ?**

A.Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống

B.Trồng khoai đất lạ, gieo mạ đất quen

C. Cái răng, cái tóc là góc con người.

D. Sao dày thì mưa, sao thưa thì nắng.

**Câu 4: Nghĩa của câu tục ngữ “Chớp đông nhay nháy, gà gáy thì mưa.” là:**

A. nhìn về phía đông trên trời nếu thấy chớp giật kèm theo tiếng gà gáy, thì biết rằng trời sắp mưa.

B. thấy sấm chớp ở phía đông trời sắp có mưa bão.

C. khi trời nổi sấm chớp thì trời sắp có mưa bão.

D. nếu thấy tiếng gà gáy trời sắp có mưa bão.

**Câu 5: Câu tục ngữ: "Tháng bảy kiến bò, chỉ lo lại lụt" diễn tả điều gì?**

A. Tháng bảy kiến bò, là có nắng to..

B. Tháng bảy có kiến bò thì hết lo lũ lụt.

C. Người dân lo sợ tháng bảy mưa to lũ lụt.

D. Tháng bảy (ở miền Bắc) hễ nhìn thấy kiến bò hàng đàn lên tường là dự báo sắp có mưa to, lũ lớn xảy ra.

**Câu 6: Em hiểu gì về thành ngữ “Đẹp như tiên.” ?**

A. Chỉ người con gái có vẻ ngoài xinh đẹp,lý tưởng, lộng lẫy, kiêu sa.

B. Chỉ người con gái thùy mị, nết na.

C. Chỉ người con gái xinh đẹp.

D. Chỉ người con gái lý tưởng, phẩm chất tốt .

**Câu 7: Xác định số chữ, số dòng, số vế của câu tục ngữ**

“Rét tháng ba, bà già chết cóng.”

A. bảy chữ, 1 dòng, 1 vế. B. bảy chữ, 2 dòng, 1 vế.

C. bảy chữ, 1 dòng, 2 vế. D. bảy chữ, 1 dòng, 3 vế.

**Câu 8: Trong câu tục ngữ “Quạ tắm thì ráo, sáo tắm thì mưa.” Có cặp vần và loại vần**

A. tắm - mưa, vần cách. B. ráo – sáo, vần sát.

C. tắm – tắm, vần cách. D. ráo - mưa, vần cách.

***Thực hiện các yêu cầu sau:***

**Câu 9: Đặt câu có sử dụng hai thành ngữ sau : “ Mẹ tròn con vuông”, “nghiêng nước nghiêng thành ”** (1 điểm)

**Câu 10: Viết từ 2-3 câu nêu bài học kinh nghiệm từ câu tục ngữ: “Quạ tắm thì ráo, sáo tắm thì mưa .”** (1 điểm)

**B. VIẾT (4,0 điểm)**

***Viết bài văn nghị luận ( khoảng 400 chữ) về một vấn đề vấn đề bạo lực trong học đường.***

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP: 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6.0** |
|  | **1** | A | 0.5 |
| **2** | C | 0.5 |
| **3** | D | 0.5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | D | 0.5 |
| **6** | A | 0.5 |
| **7** | C | 0.5 |
| **8** | B | 0.5 |
| **9** | Đặt câu:   1. Mừng cho mẹ con nhà cô Vân **mẹ tròn con vuông.** 2. Thúy Kiều có vẻ đẹp **nghiêng nước nghiêng thành**.  *Hướng dẫn chấm:**- Nêu đầy đủ ý như đáp án : 1.0 điểm**- Nêu được nửa số ý hoặc chưa đầy đủ như đáp án: 0.5 điểm**- Nêu chưa đúng hoặc không trình bày được: 0 điểm* | 0.5  0.5 |
| **10** | Câu tục ngữ nêu lên bài học kinh nghiệm dự báo thời tiết (chủ động phòng mưa bão) của dân gian. Lúc trời đang mưa quạ ra tắm thì mưa sắp tạnh, khi nắng sáo tắm là trời sẽ trở mưa. *Hướng dẫn chấm:**- Nêu đầy đủ ý như đáp án : 1.0 điểm**- Nêu được nửa số ý hoặc chưa đầy đủ như đáp án: 0.5 điểm* ***- Nêu chưa đúng hoặc không trình bày được: 0 điểm*** | 1.0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4.0** |
| **a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận**  Mở bài: Nêu được vấn đề; Thân bài: Triển khai được vấn đề; Kết bài: Khái quát được vấn đề. | 0.25 |
| **b. Xác định đúng yêu cầu của đề:**  Bàn về vấn nạn bạo lực học đường trong nhà trường của học sinh. | 0.25 |
| **c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm**  Học sinh có thể trình bày bài viết theo nhiều cách trên cơ sở thể hiện được quan điểm và lí giải quan điểm một cách thuyết phục. Dưới đây là hướng dẫn gợi ý viết bài:  **I. Mở bài:**  - Giới thiệu vấn đề cần bàn luận: bạo lực học đường.  - Nêu ý kiến của mình về vấn nạn bạo lực học đường trong nhà trường hiện nay.  **II. Thân bài:**  **1.Giải thích:**  Giải thích được từ ngữ, khái niệm quan trọng.   1. **Bàn luận:** Khẳng định ý kiến tán thành hoặc phản đối về vấn đề bạo lực học đường. Trình bày các lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến.   - Nêu ít nhất hai lí lẽ thuyết phục, chặt chẽ.  - Nêu bằng chứng thuyết phục để củng cố cho lí lẽ.  **3. Lật lại vấn đề:** Nhìn nhận vấn đề ở chiều hướng ngược lại, trao đổi với ý kiến trái chiều...để cách nhìn về vấn đề thêm toàn diện.  **III. Kết bài:**  - Khẳng định lại ý kiến của mình.  - Đề xuất giải pháp, bài học nhận thức và phương hướng hành động.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Mức độ bàn luận thuyết phục, sâu sắc: 3,0 điểm.*  *- Mức độ bàn luận thuyết phục, hợp lí : 2,5 điểm.*  *- Mức độ bàn luận còn chung chung, đảm bảo cơ bản các yêu cầu: 2,0 điểm*  *- Mức độ bàn luận sơ sài: 1,0 - 1,5 điểm.*  *- Bàn luận chưa đúng, lạc ý: 0,0 điểm.* | 3.0  0,5  2.0  0.5 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt, ngôn ngữ trong sáng | 0.25 |
| **e. Sáng tạo:** Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận. Cách diễn đạt mới mẻ, sáng tạo, sinh động. | 0.25 |
|  |  | **Lưu ý khi chấm bài:** *Trong quá trình chấm GV có thể linh hoạt đối với bài làm của HS, tránh áp đặt theo khuôn mẫu.* |  |

**Tiết 108**

**ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM:**

**HƯƠNG KHÚC**

***(Nguyễn Quang Thiều)***



**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**- Năng lực giao tiếp, hợp tác và giải quyết vấn đề.  
- Vận dụng kĩ năng đọc để nhận biết chủ đề của văn bản; nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  
- Liên hệ với chủ điểm của bài học để hiểu hơn về chủ điểm *Nét đẹp văn hoá Việt*.

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực chung:** Khả năng giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...  
**b. Năng lực riêng biệt:**- Cảm nhận được ngôn từ giàu hình ảnh, chất thơ.  
- Hiểu được cảm xúc, nhận thức của tác giả về đối tượng biểu cảm.

**3. Phẩm chất:** Yêu, trân trọng nét đẹp văn hóa.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

**-** Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học.

- Thiết kể bài giảng điện tử.

- Phương tiện và học liệu: Máy vi tính, máy chiếu đa năng...Phiếu học tập

**2. Học liệu:**

- Đọc tài liệu có liên quan đến văn bản.

- Đọc phần hướng dẫn **Chuẩn bị** phần Đọc – hiểu văn bản trong sách giáo khoa; chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

**b) Nội dung:** Giáo viên cho học sinh nêu suy nghĩ của mình.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ: *Có bạn nào đã ăn bánh khúc chưa? Hoặc bạn nào biết về cây rau khúc?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe

- GV quan sát

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt động

- Hs trả lời

**Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài.  
*Văn hóa ẩm thực của dân tộc cũng góp phần lớn vào vẻ đẹp văn hóa Việt với sự phong phú và độc đáo. Đặc biệt không thể không nhắc đến những món ăn mang hương vị quê nhà. Và đến với “Nét đẹp văn hóa Việt”, chúng ta cùng tìm hiểu hương vị của món bánh khúc qua văn bản đọc kết chủ điểm “Hương khúc” (Nguyễn Quang Thiều).*

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN**

**a. Mục tiêu:** Đọc văn bản và thực hiện một số kĩ thuật đọc thông qua việc trả lời một số câu hỏi trong khi đọc

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm học tập:   
*Nhóm 1: Tác giả:***

|  |  |
| --- | --- |
| - Tên, tuổi, lai lịch | *Nguyễn Quang Thiều ( 1957) nhà văn hiện đại của Việt Nam.* |
| - Phong cách văn chương | Sôi nổi, đắm say, yêu đời, thắm thiết,… |
| - Tác phẩm tiêu biểu… | Bầy chim chìa vôi, Người đàn bà tóc trắng,… |

***Nhóm 2: Tác phẩm***

|  |  |
| --- | --- |
| *- Xuất xứ* | *Trích “Tôi khóc những cánh đồng rau khúc”* |
| *- Chủ đề* | *Văn hóa ẩm thực Việt* |
| *- Thể loại, phương thức biểu đạt* | *tản văn.*  *biểu cảm, tự sự, miêu tả.* |
| *- Bố cục, nội dung chính từng phần* | *Phần 1: Từ đầu..*đang mưa đầy trời đấy:*Mùa hoa khúc nở. Phần 2: Tiếp theo….hương rau khúc: Quá trình làm bánh khúc. Phần 3: Còn lại: Ký ức tác giả về nồi bánh khúc.* |

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV giao nhiệm vụ ở tiết trước, HS hoàn thành sản phẩm trình bày  
- GV phát bảng kiểm và cho HS các nhóm đánh giá chéo dự án của nhóm bạn trên bảng kiểm.  
**Nhóm 1. Trình bày thông tin về tác giả**

|  |  |
| --- | --- |
| - Tên, tuổi, lai lịch |  |
| - Phong cách văn chương |  |
| - Tác phẩm tiêu biểu… |  |

**Nhóm 2. Trình bày thông tin về tác phẩm**- HS đọc tích cực và trình bày các nội dung

|  |  |
| --- | --- |
| *- Xuất xứ* |  |
| *- Chủ đề* |  |
| *- Thể loại, phương thức biểu đạt* |  |
| *- Bố cục, nội dung chính từng phần* |  |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Hs làm việc cá nhân.

- GV quan sát.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm.

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.

**Hoạt động 2: Suy ngẫm và phản hồi**

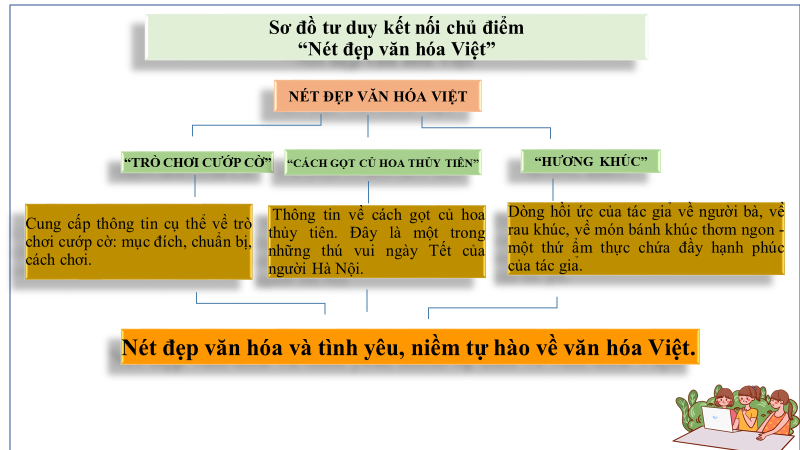
**a. Mục tiêu:**- Nhận biết được tình cảm của tác giả khi nhớ về chiếc bánh khúc tuổi thơ – một nét đẹp trong văn hóa ẩm thực dân tộc.  
- Vận dụng kĩ năng đọc để nhận biết chủ đề của văn bản; nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  
- Liên hệ với chủ điểm của bài học để hiểu hơn về chủ điểm “Nét đẹp văn hóa Việt”.  
- Yêu quê hương, đất nước.  
**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV: tìm hiểu hình ảnh chiếc bánh khúc tuổi thơ, tình cảm của tác giả và nét đẹp văn hóa ẩm thực trong văn bản.

**c. Sản phẩm học tập:**

**Nhóm 3:** Các yếu tố làm nên sức hấp dẫn của chiếc bánh khúc tuổi thơ:

***\* Hình ảnh chiếc bánh khúc tuổi thơ:****- Rau khúc hái từ sáng sớm, gạo nếp, đậu xanh….  
→ Dân dã, gần gũi, thân thuộc.  
- Công đoạn làm bánh cầu kì: giã nhuyễn, nhào bột…  
→ Kiên trì, nhẫn nại, cẩn thận và tỉ mẩn.  
=> Sức hấp dẫn của bánh khúc:   
- Từ vẻ đẹp của sản vật quê hương.  
- Từ cách làm bánh tỉ mỉ đong đầy yêu thương của bà.  
- Từ sự háo hức trông ngóng của một đứa trẻ chờ đợi món quà tuổi thơ.****🡺 Tình cảm của tác giả:****Yêu thương, nâng niu, trân quý:  
- Thể hiện trực tiếp (thơm ngậy, béo ngậy, ngọt ngào, dân dã, nóng hổi,...)  
- Thể hiện gián tiếp: cách kể tỉ mỉ, biện pháp tu từ,…(Tôi nâng chiếc bánh khúc như nâng  
một báu vật, một hạt xôi nếp đẹp như một hạt ngọc,…)  
→ Ngập tràn tình yêu thương, kí ức đẹp và ấm áp về bà.  
=> Tình yêu thiết tha với quê hương.*

**Nhóm 4:** Tìm hiểu tình cảm của tác giả trong đoạn trích và hoàn thiện sơ đồ tư duy kết nối chủ điểm.

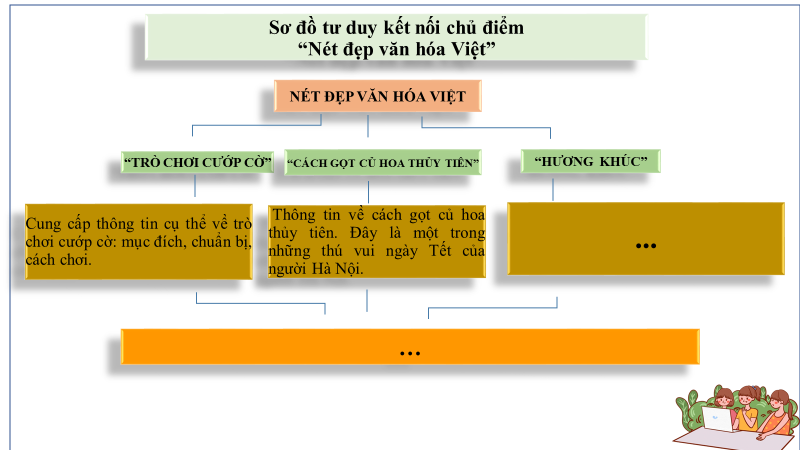


**d. Tổ chức thực hiện:**

**Hướng dẫn Hs tìm hiểu câu hỏi 1,2**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV giao nhiệm vụ ở tiết trước, HS hoàn thành sản phẩm trình bày  
**Nhóm 3:** Các yếu tố làm nên sức hấp dẫn của chiếc bánh khúc tuổi thơ:

**Nhóm 4:** Tìm hiểu tình cảm của tác giả trong đoạn trích và hoàn thiện sơ đồ tư duy kết nối chủ điểm.

****

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- Các nhóm trước khi trình bày dự án của nhóm sẽ hỏi các bạn về những hiểu biết về tác giả, tác phẩm.  
- Đại diện nhóm lần lượt trình bày sản phẩm.  
- Các HS nhóm khác lắng nghe.  
- HS của các nhóm sẽ có trao đổi, phản biện (nếu có)

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS thuyết trình sản phẩm thảo luận

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**Hoạt động Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** GV tổ chức trải nghiệm *“*Hương vị quê nhà” để hướng dẫn học sinh củng cố kiến thức đã học.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS, thái độ khi tham gia trải nghiệm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**Trò chơi “Hương vị quê nhà”  
- Thời gian: 3 phút  
- Cử 3 đội chơi, mỗi đội có 2 học sinh tham gia.  
- HS khám phá trải nghiệm các loại bánh đã được chuẩn bị sẵn.  
- Đội nào đoán chính xác sẽ chiến thắng.  
- HS nêu cảm nhận vị bánh khúc.  
- Hs tiếp nhận nhiệm vụ  
**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ;

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động

- Hs tham gia trải nghiệm, trả lời câu hỏi.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức: *Từ sự hấp dẫn của chiếc bánh khúc tuổi thơ trong đoạn trích, chúng ta đi vào thế giới của những món ăn truyền thống dân tộc. Đó là những món ăn được chế biến từ sản vật quê hương, chứa đựng sự tinh tế của cách kết hợp nguyên liệu, gia vị cùng dấu ấn đẹp đẽ của kí ức, tình yêu tha thiết dành gia đình, quê hương*,...

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**(Có thể giao về nhà)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Trải nghiệm và nêu cảm nhận về sự phong phú của bản sắc văn hóa Việt qua món bánh khúc.

**c. Sản phẩm học tập:** phần trình bày của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Góc chia sẻ “Nét đẹp văn hóa Việt”  
- GV giao nhiệm vụ: Hiện nay, người Việt nói chung và giới trẻ nói riêng thường “sính ngoại” và quên đi vẻ đẹp văn hóa truyền thống Việt,... Vậy quan điểm của em như thế nào ?  
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.  
**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  
- HS thực hiện nhiệm vụ;  
**Bước 3: Báo cáo, thảo luận  
-** GV tổ chức hoạt động, gọi 2-3 hs trình bày ý kiến.  
- HS khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.  
**Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức

**Tiết 109**

**ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI**

**KÉO CO**

***(Trần Thị Ly)***



**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**- Văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động: cấu trúc và đặc điểm hình thức:  
+ HS nắm được cấu trúc của loại văn bản này thường có 3 phần:  
+ HS nắm được đặc điểm hình thức của văn bản.  
- Cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản thông tin.

**2*.* Về năng lực**

**a. Năng lực chung:** Khả năng giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**- Phân tích và đánh giá được giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản *Kéo co:*+ Nhận biết được đặc điểm của văn bản giới thiệu một quy tắc hay một luật lệ trong hoạt động; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm của văn bản với mục đích của nó.  
+ Nhận biết được cách triển khai ý tưởng và thông tin trong VB (chẳng hạn theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng, hoặc các đối tượng được phân loại)  
+ Nhân biết được tác dụng biểu đạt của một số kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong VB in hoặc VB điện tử.  
+ Nhận biết được các thông tin cơ bản của văn bản.

**3. Phẩm chất:** Trung thực khi tham gia các hoạt động.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ.

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS xem các hình ảnh và trả lời câu hỏi.  
**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS, câu trả lời của HS.  
+ Trò chơi Kéo co được tổ chức vào dịp lễ tết, lễ hội cổ truyền, hội thao, hoạt động ngoại khoá, dã ngoại,…  
+ Tham gia trò chơi có 2 đội  
+ Dụng cụ chính: Sợi dây dài chắc, dẻo,…  
+ Trang phục: đa dạng ( không bắt buộc)   
**d. Tổ chức thực hiện:  
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh về trò chơi dân gian “Kéo co” và trả lời câu hỏi: *Trò chơi được tổ chức vào dịp nào? Số đội tham gia trò chơi? Dụng cụ chính để chơi là gì? Em có nhận xét gì về trang phục?*





- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV quan sát, gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS báo cáo kết quả hoạt động;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, dẫn dắt vào bài: *Trong bài 8 này, chúng ta đã tiến hành đọc hiểu hai VB thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động, đó là VB “Trò chơi cướp cờ” và “Cách gọt củ hoa thủy tiên”, để khắc sâu hơn cách đọc hiểu loại VB này, hôm nay cô trò chúng ta tiếp tục thực hành đọc hiểu một VB nữa. Đó là VB “Kéo co”*(Trần Thị Ly).

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Trải nghiệm cùng văn bản**

**a. Mục tiêu:** Biết cách đọc văn bản, giới thiệu về tác giả, tác phẩm

**b. Nội dung:** Gv hướng dẫn học sinh đọc văn bản; học sinh báo cáo dự án về tác giải, tác phẩm đã chuẩn bị

**c. Sản phẩm học tập:** Cách đọc của HS, dự án của học sinh, câu trả lời bằng ngôn ngữ nói  
***1. Đọc văn bản  
2. Tìm hiểu chung  
- Xuất xứ:*** *Trích trong Trò chơi dân gian Nam Bộ, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, NXB Hội Nhà văn, 2017  
-* ***Bố cục****Phần 1 (từ đầu đến “thêm người chơi”): Quy định người chơi của kéo co  
Phần 2 (tiếp đến “nằm giữa hai mức”): Chuẩn bị trò kéo co  
Phần 3 (tiếp đến “Cố lên”): Cách chơi kéo co.  
Phần 4 (còn lại): Quy định trò chơi kéo co  
-* ***Thể loại:****văn bản thông tin  
-* ***Phương thức biểu đạt:****thuyết minh*

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

*-* Gv chuyển giao nhiệm vụ

*Yêu cầu học sinh đọc văn bản và giới thiệu vài nét về tác giả, văn bản* (xuất xứ, thể loại, phương thức biểu đạt, bố cục).

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Hs đọc văn bản.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm.

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.

**Hoạt động 2: Suy ngẫm và phản hồi**

**a. Mục tiêu:** Nắm được đặc điểm, mục đích của văn bản

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS  
- Hoàn thiện phiếu học tập:

|  |  |
| --- | --- |
| ***Đặc điểm*** | ***Chi tiết biểu hiện*** |
| *Những đặc điểm của văn bản* | *- Đặc điểm : Cấu trúc 4 phần + Người chơi. + Chuẩn bị. + Cách chơi. + Quy định trò chơi. - Về hình thức: + Các mục trong bài được kí hiệu theo các phần a,b,c,d. + Sử dụng các số từ chỉ số lượng. + Sử dụng các từ ngữ miêu tả chi tiết về trò chơi kéo co. + Dùng hình ảnh minh họa.* |
| *Mục đích văn bản* | *Giới thiệu cách chơi và những quy định về trò chơi rất phổ biến trong dân gian: Kéo co.* |
| *Cách triển khai thông tin* | *Trình bày theo trật tự thời gian (thứ tự các bước cần thực hiện) .* |
| *Phương tiện phi ngôn ngữ* | *Hình ảnh minh hoạ trong văn bản. Giúp người đọc dễ hình dung cụ thể hơn về trò chơi kéo co.* |

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ:  
Gv yêu cầu thảo luận theo bàn.  
GV phát phiếu học tập & giao nhiệm vụ: *Tìm một số chi tiết điền vào cột “Chi tiết biểu hiện” của bảng kiểm sau:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Đặc điểm** | **Chi tiết biểu hiện** |
| Những đặc điểm của văn bản |  |
| Mục đích văn bản |  |
| Cách triển khai thông tin |  |
| Phương tiện phi ngôn ngữ và tác dụng |  |

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS hoạt động thảo luận theo bàn.

- GV theo dõi, quan sát HS.  
**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS báo cáo kết quả hoạt động;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung.

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** GV tổ chức trò chơi “Rung chuông vàng” để hướng dẫn học sinh củng cố kiến thức đã học

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS, thái độ khi tham gia trò chơi

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ:  
Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của văn bản  
A. Tự sự B. Nghị luận **C. Thuyết minh** D. Biểu cảm  
Câu 2: Thông tin cơ bản của VB Kéo co là:  
A. Giới thiệu quy định của trò chơi kéo co  
B. Giới thiệu sự chuẩn bị của trò chơi kéo co  
C. Giới thiệu cách chơi của trò chơi kéo co  
**D. Giới thiệu về trò chơi kéo co**Câu 3: Cách triển khai ý tưởng và thông tin trong VB Kéo co chủ yếu là:  
A. Theo quan hệ nhân quả  
B. Theo mức độ quan trọng của thông tin  
**C. Theo trình tự thời gian**D. Theo trình tự không gian  
Câu 4: Việc sử dụng hình vẽ trò chơi trong văn bản Kéo co có ý nghĩa gì?  
**A. Là hình thức trực quan để người đọc dễ dàng nắm bắt thông tin trong lời thuyết minh.**B. Đặc điểm đặc trưng mà văn bản thông tin nào cũng cần phải có  
C. Làm cho văn bản sinh động hơn, bớt khô khan  
D. Thể hiện tính khoa học của văn bản thông tin  
Câu 5: Thông tin chi tiết bậc 1 trong VB Kéo co được thể hiện qua hình thức:  
A. Đánh số thứ tự 1, 2, 3,...  
B. Sử dụng từ ngữ chỉ thời gian (đầu tiên, tiếp theo, sau cùng,...  
**C. Sử dụng đề mục a, b, c,...**D. Sử dụng số từ chỉ số lượng chính xác (hai, ba,...)  
Câu 6: VB sử dụng các câu chứa nhiều loại từ:  
A. Danh từ **B. Động từ** C. Tính từ D. Cả 3 đáp án trên.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ;

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động

- Hs tham gia trò chơi, trả lời câu hỏi

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Bài làm của học sinh.  
**\*Mở bài:** Giới thiệu về trò chơi dân gian: kéo co, ô ăn quan, nhảy dây, trốn tìm,...  
\***Thân bài  
- Giải thích khái niệm:  
+** Trò chơi dân gian là những hoạt động vui chơi giải trí do quần chúng nhân dân sáng tạo ra và được lưu truyền tự nhiên qua nhiều thế hệ, phản ánh đời sống tinh thần, văn hóa của dân tộc.  
+ Trò chơi dân gian là hình thức sinh hoạt cộng đồng được nhân dân tiếp cận và gắn bó nhiều nhất, diễn ra mọi lúc, mọi nơi, không hạn định về mặt thời gian, không gian.  
- **Thuyết minh về một trò chơi cụ thể**\* Tìm hiểu về nguồn gốc của trò chơi:  
+ Trò chơi ra đời khi nào, lấy cảm hứng từ đâu?  
+ Ngày nay trò chơi có còn phổ biến không hay được lưu giữ tại bảo tàng?  
\* Nêu những đặc điểm đặc trưng của trò chơi:  
+ Số lượng người chơi.  
+ Độ tuổi thường chơi.  
+ Thời gian chuẩn bị.  
\* Thời gian chơi.  
+ Các kỹ năng cần thiết  
+ Các dịp tổ chức trò chơi (lễ hội, thi đấu...)  
+ Đối tượng tham gia trò chơi: độ tuổi, giới tính, ...  
+ Giới thiệu về cách thức chơi và luật chơi.  
+ Ý nghĩa của trò chơi dân gian.  
+ Giải trí, tạo niềm vui cho con người.  
+ Nét văn hóa truyền thống của dân tộc.  
\* **Kết bài:** Khẳng định lại ý nghĩa của trò chơi dân gian trong đời sống tinh thần của con người.  
**d) Tổ chức thực hiện:  
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV chuyển giao nhiệm vụ: Lập dàn ý bài văn thuyết minh giới thiệu về một trò chơi dân gian mà em yêu thích.  
- Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  
**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- Học sinh lập dàn ý, trao đổi bài.  
**Bước 3: Báo cáo thảo luận**-GV gọi 1 số HS báo cáo sản phẩm học tập.  
- Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  
**Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV nhận xét ý thức làm bài của HS.

**Tiết 110**

**VIẾT VĂN BẢN TƯỜNG TRÌNH**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**Đặc điểm và cách viết văn bản tường trình rõ ràng, đầy đủ, đúng quy cách.

**2.** **Về** **năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**- Biết viết VB đảm bảo các bước; chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý, viết bài; xem lại và chỉnh sửa; rút kinh nghiệm  
- Viết được văn bản tường trình rõ ràng, đầy đủ, đúng quy cách.  
**3.Về phẩm chất:** Có ý thức thực hiện các quy định của trường, lớp và các môi trường khác.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính,...

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, Phiếu học tập, rubric đánh giá.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối, tạo hứng thú cho HS, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài.

**b. Nội dung:** HS tích cực tham gia chia sẻ, trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS:  
- Các trường hợp cần viết VB trình bày lại sự việc đã diễn ra: 1, 2, 4, 6.

- Người viết VB trình bày lại sự việc: Người trực tiếp gây ra sự việc; người có liên quan trực tiếp đến sự việc đó, người chứng kiến sự việc.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ: Những trường hợp nào sau đây HS cần viết VB trình bày lại diễn biến sự việc :

HS đánh nhau

HS bỏ giờ, bỏ tiết để đi chơi.

HS giúp bà cụ qua đường

HS đá bóng làm vỡ chậu hoa

HS đạt nhiều điểm tốt

Khi trong lớp bị mất tiền

Khi trong lớp có bạn đạt giải cuộc thi Toán

Ai là người thực hiện VB trình bày lại sự việc với những trường hợp em đã chọn trên?- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, hỗ trợ

- HS suy nghĩ, trả lời

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS đọc, trình bày câu trả lời

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, đẫn dắt vô bài mới: *Khi có một sự việc nào đó xảy ra gây hậu quả không hay và em là người liên quan đến sự việc, em cần viết bản tường trình, trình bày tường tận, rõ ràng về những việc đã diễn ra để những người có trách nhiệm (hoặc cấp có thẩm quyền) hiểu rõ bản chất sự việc. Vậy làm thế nào để viết được một VB tường trình trong những hoàn cảnh như vậy? Phần hướng dẫn dưới đây sẽ giúp em thực hiện điều đó.*

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu tri thức về kiểu bài**

**a. Mục tiêu:** Trình bày được những hiểu biết nền về bài viết tóm tắt văn bản

**b. Nội dung:** Gv hướng dẫn học sinh thảo luận nhóm đôi bằng PHT

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS  
***\* Tìm hiểu bản tường trình  
1. Khái niệm*** *- Là kiểu văn bản thông tin, trình bày tường tận, rõ ràng, đầy đủ về diễn biến của một sự việc “đã gây hậu quả và có liên quan đến người viết”, trong đó nêu rõ mức độ thiệt hại (nếu có) và xác định trách nhiệm của người viết đối với sự việc.****2. Yêu cầu****a. Về hình thức, bố cục cẩn có:  
- Phần mở đầu:  
+ Quốc hiệu và tiêu ngữ.  
+ Địa điểm, thời gian viết.  
+ Tên văn bàn và tóm tắt sự việc tường trình  
+ Người (cơ quan) nhận bản tường trình  
+ Thông tin người viết tường trình  
- Nội dung tường trình:  
+ Diễn biến sự việc: Nguyên nhân- hậu quả- trách nhiệm.  
- Phẩn kết thúc: Lời đề nghị, lời hứa, chữ ký và tên người viết tường trình.  
b. Về nội dung, thông tin cần bảo đảm   
- Số liệu, sự kiện chính xác, cụ thể.  
- Ghi chép trung thực, đầy đủ không suy diễn chủ quan.*

*- Nội dung ghi chép phải có trọng tâm, trọng điểm.***d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- Gv chuyển giao nhiệm vụ:   
*+ Văn bản tường trình là gì?  
+ Quan sát mẫu văn bản tường trình trong SGK và cho biết khi viết văn bản tường trình cần đảm bảo những yêu cầu gì đối với kiểu văn bản?.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn.

- GV quan sát, gợi mở.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt động

- HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**Hoạt động 2: Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản**

**a. Mục tiêu**: HS nhận biết các yêu cầu về kiểu bài thông qua việc quan sát, đọc và phân tích mẫu văn bản.

**b. Nội dung**: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.  
***\* Phân tích ví dụ****1. Văn bản trên gồm: 3 phần  
- Mở đầu: gồm các mục 1a, 1b, 1c, 1d, 1đ  
- Nội dung: gồm các mục 2a, 2b, 2c, 2d  
- Kết thúc: gồm các mục 3a, 3b, 3c  
2. Phần mở đầu:  
- Quốc hiệu tiêu ngữ.  
- Địa điểm, thời gian viết tường trình.  
- Tên văn bản và tóm tắt sự việc tường trình.  
- Người nhận  
- Thông tin người viết.  
3. Nội dung tường trình:   
- Thời gian, địa điểm, diễn biến sự việc.  
- Nguyên nhân của sự việc   
- Hậu quả của sự việc  
- Trách nhiệm của người viết tường trình.  
4. Kết thúc:   
- Lời đề nghị và lời hứa của người viết.*

*- Chữ ký và tên của người viết tường trình*

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS đọc bài mẫu (SGK trang 59) hoạt động nhóm các câu hỏi sau.  
- GV chia 2 nhóm: + Nhóm 1,2 : câu 1,2  
 + Nhóm 3,4: câu 3,4  
*1/ Xác định phần mở đầu, nội dung tường trình và kết thúc của văn bản trên?  
2/ Phần mở đầu của văn bản trên trình bày những nội dung gì?  
3/ Nội dung tường trình của văn bản trình bày những thông tin gì?  
4/ Những nội dung nào đã trình bày ở phần kết thúc của văn bản?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt động

- HS trình bày câu trả lời

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung khi viết văn bản tường trình cần lưu ý.  
+ Xác định đúng tình huống cần viết tường trình.  
+ Sử dụng từ ngữ chính xác, phù hợp.  
+ Đảm bảo cấu trúc bài văn ba phần.

**Hoạt động 3: Hướng dẫn quy trình viết**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách viết văn bản tường trình  
**b. Nội dung:** Giáo viên hướng dẫn học sinh thảo luận nhóm đôi bằng PHT, phân tích ví dụ

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm PHT, câu trả lời của học sinh  
***\* Thực hành viết:  
Đề bài: Hãy viết tường trình lại về một sự việc xảy ra ngoài ý muốn mà em đã chứng kiến hoặc tham gia.****Các bước thực hiện quy trình viết:****Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết*** *– Xác định đề tài:  
VD: Bản tường trình về việc…  
- Xác định mục đích giao tiếp  
- Xác định đối tượng giao tiếp.****Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý   
Bước 3: Viết bài****- Viết thành văn bản tường tường trình dựa trên cơ sở dàn ý .  
- Tôn trọng sự thật, trình bày trung thực, đầy đủ khách quan những sự việc đã xảy ra.****Bước 4: Xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm.****Bảng kiểm văn bản tường trình*  
**d. Tổ chức thực hiện:  
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS đọc kĩ Hướng dẫn quy trình viết trong SGK. *Hãy cho biết để viết văn bản tường trình cần thực hiện theo những bước nào?  
GV cho HS xem video tình huống và thực hiện trả lời câu hỏi.****B1: Chuẩn bị trước khi viết* (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu)**– **Đề tài:** Xác định nội dung, và kiểu bài viết:  
+ *Đề tài của bài viết này là gì?***+** *Tôi muốn viết về nội dung gì?***+** *Kiểu bài này là gì?***Mục đích viết:** Xác định mục đích giao tiếp:  
**+** *Mục đích viết bài này là gì?***+** *Viết để thông báo hay để trình bày?***-Người đọc:** Xác định đối tượng giao tiếp:  
**+** *Người đọc của tôi có thể là ai?***+** *Họ đã biết điều gì về vấn đề tôi định viết?***+** *Điều gì có thể làm họ quan tâm? Họ muốn biết thêm việc gì?***B2: Tìm ý, lập dàn ý**Tìm ý: Tên văn bản ? Nội dung tường trình là gì? Trình tự diễn biến sự việc: nguyên nhân, hậu quả, trách nhiệm người viết, cam đoan/ hứa.  
Lập ý: Cần đảm bảo bố cụ mấy phần? Nội dung từng phần?  
**B3: Viết bài**+ *Theo em, thế nào là một bài viết bản tường trình đạt yêu cầu?  
+ Một bài viết bản tường trình đạt yêu cầu cần thoả mãn*/ *đáp ứng những tiêu chí nào?  
+ Đọc bảng kiểm văn bản tường trình trong SGK và cho biết có cần bổ sung hay điều chỉnh tiêu chí nào không? Vì sao?  
+ Nêu câu hỏi về những điều chưa rõ liên quan đến các tiêu chí (nếu có).****B4: Xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm.***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Bước*** | ***Những việc cần làm.*** | ***Ý nghĩa*** |
|  |  |  |

*HS thảo luận nhóm đôi các câu hỏi và hoàn thành vào bảng trên*- Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe và trả lời

- GV quan sát, hỗ trợ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt đông

- HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Gv bổ sung, nhận xét

**C+ D. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP + VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: Biết cách xác định mục đích, đối tượng, yêu cầu viết.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, tác phẩm văn học HS yêu thích, kiến thức đã học để hoàn thành yêu cầu.

**c. Sản phẩm:** Văn bản của HS.

**d.Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS *viết văn bản tường trình*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện.

- GV hỗ trợ, đưa ra bài mẫu vài tư liệu giúp HS hình dung cách làm.

**Bước 3: Báo cáo thảo luận**

- HS trình bày trước lớp.

- HS khác góp ý, bổ sung, chỉnh sửa.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV nhận xét, đánh giá.  
**BÀI VIẾT THAM KHẢO**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*Quy Nhơn, ngày 1 tháng 10 năm 2024*

**BẢN TƯỜNG TRÌNH**

V/v mất ví tiền tại lớp 7A  
 Kính gửi: Cô giáo Trần Thị A, giáo viên chủ nhiệm lớp 7A, trường THCS..  
 Em tên là: Lê Thị B, hiện đang là học sinh lớp 7A, trường THCS,...  
 Em viết văn bản này để tường trình sự việc như sau:  
 Thứ ba ngày 25 tháng 9 năm 2022 vừa qua, em bị mất chiếc ví tiền tại lớp 7A. Sự việc cụ thể như sau:  
 Hôm đó, em đến trường vào lúc 7h15. Trước khi vào lớp, mẹ em có đưa cho em 150.000 đồng và dặn em gửi cô giáo tiền học. Em đã cẩn thận bỏ số tiền đó vào chiếc ví màu đỏ. Sau đó, em cất chiếc ví vào ngăn giữa của cặp, em khóa cẩn thận rồi bước vào lớp. 7h30 phút là giờ truy bài, em và các bạn truy bài tại sân trường, em mang theo sách toán và ngữ văn để học và không mang theo cặp và ví. Khi nghe tiếng trống vào lớp, em mở cặp ra và lấy tiền trong ví nộp cho cô giáo thì không thấy chiếc ví đâu và khóa cặp đã bị mở. Em có hỏi các bạn xung quanh nhưng không ai lấy, cũng không ai nhìn thấy chiếc ví bị rơi. Trong chiếc ví có 150.000 đồng, một vài bức ảnh của em và gia đình, một chiếc chìa khóa nhà và một phong bao lì xì 50.000 đồng.  
 Em xin cam đoan những điều em tường trình trên là sự thật. Nếu sai em xin chịu mọi hình thức kỉ luật của cô giáo và tập thể lớp.

Người viết tường trình

(Đã kí)

Lê Thị B

**IV.PHỤ LỤC: Bảng kiểm văn bản tường trình**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các phần của bài viết** | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **Phần mở đầu** | Tên quốc hiệu: viết in hoa, ở trên cùng và giữa văn bản |  |  |
| Tiêu ngữ:viết chữ thường, canh giữa dưới quốc hiệu, chữ cái đầu của các cụm từ được viết hoa, giữa các cụm từ có gạch nối(-), ở giữa văn bản |  |  |
| Địa điểm, thời gian viết văn bản:đặt dưới quốc hiệu, tiêu ngữ và lùi sang phía bên phải của văn bản |  |  |
| Tên văn bản:viết chữ in hoa, cỡ chữ lớn hơn các chữ khác trong văn bản, ở giữa văn bản. |  |  |
| Dòng tóm tắt sự việc tường trình:viết chữ thường,dặt dưới tên văn bản, ở giữa văn bản |  |  |
| Trình bày thông tin về người nhận theo đúng quy cách |  |  |
| Trình bày một số thông tin cơ bản của người viết văn bản |  |  |
| **Nội dung tường trình** | Ghi rõ thời gian và địa điểm xảy ra sự việc |  |  |
| Xác định rõ tên của ( những) người có liên quan( nếu có) |  |  |
| Nêu rõ nguyên nhân và hậu quả của sự việc( nếu có) |  |  |
| Xác định rõ người chịu trách nhiệm( nếu có) và trách nhiệm của người viết đối với sự việc. |  |  |
| **Phần kết thúc** | Nêu rõ ( những) đề nghị (nếu cần thiết) |  |  |
| Nêu rõ lời cam đoan/ lời hứa |  |  |
| Có chữ ký và họ tên của người viết |  |  |

**Tiết 111**

**NÓI VÀ NGHE**

TRAO ĐỔI MỘT CÁCH XÂY DỰNG, TÔN TRỌNG

CÁC Ý KIẾN KHÁC BIỆT

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về Kiến thức**- Biết thảo luận nhóm về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất.  
- Nắm bắt được các bước tiến hành bài nói.   
- Biết được các kĩ năng khi trình bày bài thảo luận, đưa ra được giải pháp thống nhất.  
- Biết các kĩ năng nghe – hiểu và trình bày một vấn đề.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung***

Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

***b. Năng lực riêng biệt:***- Biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng ý kiến khác biệt  
- Biết bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.

**3. Phẩm chất:**   
- Tự tin thể hiện bản thân  
- Biết lắng nghe   
***\* Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống cho HS:*** *Bày tỏ quan điểm rõ ràng, tôn trọng ý kiến của người khác.*

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính,...

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV đưa ra vấn đề thảo luận cho cả lớp.  
- GV tổ chức trò chơi “Gặp gỡ”:

*GV phát cho HS Chiếc đồng hồ in trên giấy. GV hướng dẫn HS tham gia trò chơi: Mỗi HS sẽ hẹn gặp với những HS khác ở những múi giờ khác nhau để tra đổi những thông tin, ý kiến của nhau về vấn đề mà giáo viên đưa ra. Những bạn đã tham gia hẹn hò ở múi giờ nhất định rồi thì không tham gia hẹn hò với bạn khác ở múi giờ đó nữa. Sau 2 phút, Bạn nào gặp gỡ nhiều bạn nhất thì sẽ chiến thắng. HS chiến thắng sẽ lên trình bày những ý kiến mà mình đã thu thập được. Hoặc GV có thể gọi ngẫu nhiên.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, trả lời

- GV quan sát, lắng nghe

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày trải nghiệm cá nhân

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Gv nhận xét, dẫn dắt vào bài: *Trò chơi “Gặp gỡ” đã giúp các em biết thêm những ý kiến khác nhau trong cùng một vấn đề, trao đổi một cách xây dựng và học cách tôn trọng ý kiến của người khác. Chúng ta cùng đi vào bài học hôm nay.*

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Chuẩn bị**

**a. Mục tiêu:**

HS biết các bước khi trao đổi ý kiến và tôn trọng ý kiến khác biệt khi thảo luận.  
**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:   
*\* Chuẩn bị bài nói  
1. Chủ đề****Trong lớp em, có bạn cho rằng trò chơi điện tử có nhiều tác hại, nhưng cũng có bạn khẳng định nó vẫn có những lợi ích nhất định.****2. Các bước thực hiện****- Bước 1: Chuẩn bị:  
+ Chuẩn bị nội dung trao đổi  
+ Chuẩn bị cách trao đổi  
- Bước 2: Trao đổi  
+ Trình bày ý kiến*

*+ Tiếp nhận, phản hồi ý kiến của người khác và bảo vệ ý kiến của mình.*  
**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ: Em hãy nhắc lại ngắn gọn các bước khi cần trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng ý kiến khác biệt? Những lưu ý khi thực hành trao đổi ý kiến với người khác?

- HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, gợi mở, hỗ trợ

- Hs suy nghĩ, thảo luận, bổ sung, phản biện

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm thảo luận

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét quá trình tương tác, thảo luận nhóm của học sinh

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Thực hành hoạt động nói, đưa ra ý kiến và nghe.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  
**c. Sản phẩm học tập:   
*\* Thực hành  
B1. Chuẩn bị  
\* Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói  
-*** *Vấn đề trao đổi: Trao đổi về hai vấn đề:  
 + Trao đổi về trò chơi điện tử.  
 + Trao đổi về việc sử dụng điện thoại thông minh đối với HS THCS.  
- Mục đích: Chia sẻ ý kiến của mình và tiếp nhận ý kiến của người khác.  
- Người nghe: cô (thầy) giáo và các bạn trong lớp.  
- Không gian: lớp học.  
- Thời gian: khoảng 7 - 10 phút.  
- Hình thức thuyết trình:**lời nói kết hợp với trình chiếu slide, kết hợp hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu thống kê,.. (nếu có) để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn.  
- Xác định giọng điệu, ngữ điệu, điệu bộ, nét mặt,… cho phù hợp với nội dung thuyết trình.****\* Chuẩn bị nội dung trao đổi****- Chuẩn bị lí lẽ, bằng chứng cho phần trả lời của mình - có thể ghi những ý kiến trao đổi của em vào bảng sau:  
Chẳng hạn ý kiến của tôi về:*

|  |  |
| --- | --- |
| *Trao đổi ý kiến về trò chơi điện tử* | |
| *Lợi ích* | *Tác hại* |
| *- Giải trí, giúp giải tỏa căng thẳng sau những giờ học tập mệt mỏi.*  *- Nâng cao khả năng phản xạ, cải thiện trí thông minh,...*  *- Khi [mạng LAN](https://en.wikipedia.org/wiki/Local_area_network" \t "_blank" \o "mạng LAN) hay Internet ra đời cho phép nhiều người chơi có thể chơi chung với nhau thì trò chơi điện tử còn có công dụng để gắn kết tình bạn bè bốn phương.*  *- Trò chơi điện tử phát triển đến mức đã trở thành thể thao điện tử tức là người chơi có thể chơi game để cải thiện sức khỏe của mình (vóc dáng, độ tinh mắt,...) mà không cần phải tập thể dục, tăng tư duy logic, rèn luyện trí não, tăng khả năng phản xạ,...*  *- Các món đồ trong trò chơi điện tử còn có thể đem đi trao đổi, buôn bán,... tạo thu nhập cho người chơi.*  *cho người chơi.* | *- Trò chơi điện tử có tính gây nghiện cao, rất dễ khiến bạn dành hàng giờ đồng hồ chơi chúng dẫn đến không còn thời gian làm những việc thiết thực khác*  *- Nếu bạn chơi game quá lâu sẽ dẫn đến việc suy giảm thị lực, mệt mỏi, tinh thần đi xuống,...*  *- Không những thế nhiều người để có tiền chơi điện tử đã không ngần ngại dấn thân vào con đường tệ nạn như trộm cắp, cướp của,...*  *- Một số trò chơi điện tử có nhiều hình ảnh bạo lực cũng như thông tin sai lệch rất dễ ảnh hưởng trực tiếp đến trẻ nhỏ (đối tượng chưa phân biệt được đúng, sai) dẫn đến chúng có cái nhìn méo mó về cuộc sống.*  *- Mục đích của HS chủ yếu là việc học nên việc sa đà “cày game” mua bán món đồ trong trò chơi điện từ để tạo thu nhập là không phù hợp; đồng thời việc này còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ khác* |
| *Ý kiến của tôi:  - HS sử dụng trò chơi điện tử đúng mục đích giải trí sau những giờ học căng thẳng. - Lựa chọn các trò chơi lành mạnh. - Chơi ở mức độ vừa phải, đúng lúc, đúng chỗ, - Kết hợp trò chơi điện tử với các trò chơi giải trí khác để rèn luyện nhiều kĩ năng phát triển bản thân.* | |

**d. Tổ chức thực hiện:  
Nhiệm vụ 1: Chuẩn bị  
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**? **Trước khi nói, hãy trả lời các câu hỏi sau**:  
- Bài nói nhằm mục đích gì?  
- Người nghe là ai?  
- Em chọn không gian nào để thực hiện bài nói (trình bày?  
- Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút?  
- Em dự định lựa chọn hình thức thuyết trình nào?  
**? Hãy chuẩn bị nội dung của cuộc trao đổi bằng cách điền vào bảng nhứng lí lẽ, dẫn chứng làm sáng tỏ ý kiến của mình.**- HS thực hiện nhiệm vụ  
**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS chuẩn bị nội dung cuộc trao đổi: các lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ quan điểm của mình, thuyết phục được người nghe  
 - Sau khi lập dàn ý xong, HS có thể tập thuyết trình trước bằng cách:  
+ Đứng trước gương để tập thuyết trình (nếu chuẩn bị ở nhà)  
+ Tự điều chỉnh giọng điệu, ngữ điệu, nét mặt…. cho phù hợp để tạo sức hấp dẫn cho bài nói**.  
 +**Em có thể nhờ bố mẹ quay lại video bài tập luyện của mình để xem lại, tự điều chỉnh hoặc gửi video cho các bạn trong nhóm để cùng góp ý cho nhau.  
+ Đặt ra những câu hỏi mang tính chất phản biện để chuẩn bị cho phần trao đổi.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm thảo luận  
- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  
**Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV nhận xét quá trình tương tác, thảo luận nhóm của học sinh.  
**Nhiệm vụ 2: Thực hành trao đổi  
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**GV cử 01 HS làm MC dẫn dắt phần trao đổi.  
Một HS trình bày bài thuyết trình trước lớp. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điền vào bảng kiểm đánh giá bài nói cho bạn.  
- HS nghe cho ý kiến phản biện về bài thuyết trình của HS.  
- HS thuyết trình bảo vệ ý kiến,..  
- HS thực hiện nhiệm vụ  
**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- GV quan sát, gợi mở, hỗ trợ  
- HS suy nghĩ, thảo luận, bổ sung, phản biện  
**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận  
- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  
- GV phát bảng kiểm để hs đánh giá, nhận xét.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bảng kiểm trao đổi về một vấn đề trong đời sống** | | |
| Nội dung kiểm tra | Đạt | Chưa đạt |
| Thể hiện ý kiến trực tiếp, rõ ràng về vấn đề cần trao đổi |  |  |
| Đưa ra được lí lẽ, bằng chứng thuyết phục |  |  |
| Sử dụng ngôn ngữ và cử chỉ hợp lí |  |  |
| Nghiêm túc lắng nghe ý kiến của người khác |  |  |
| Bảo vệ ý kiến của mình với thái độ xây dựng |  |  |
| Tôn trọng các ý kiến khác biệt |  |  |

**Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV nhận xét quá trình tương tác, thảo luận nhóm của học sinh.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng để thảo luận.

**b. Nội dung:** HS dựa vào góp ý của các bạn và GV, học sinh quay video.

**c. Sản phẩm học tập:** Video của nhóm HS.  
Dàn ý:

|  |  |
| --- | --- |
| **Vấn đề sử dụng điện thoại thông minh** | |
| **Lợi ích** | **Tác hại** |
| - Sử dụng để liên lạc khi cần thiết.  - Tra cứu tài liệu.  - Tham gia các khóa học online.  - Giải trí sau những giờ học căng thẳng.  - Kết bạn bốn phương, hội nhập quốc tế. | - Sử dụng quá nhiều ảnh hưởng đến kết quả học tập.  - Sử dụng không đúng mục đích, tiếp cận thông tin, hình ảnh không lành mạnh dẫn đến sự lệch lạc trong nhận thức.  - Vô tình trở thành “phao cứu sinh” trong giờ kiểm tra, thi dẫn đến thiếu trung thực, học hành giảm sút.  - Gây thiếu ngủ.  - Gây trầm cảm |
| **Ý kiến của tôi:** -Sử dụng điện thoại thông minh đúng cách, đúng lúc, đúng chỗ. - HS, nhà trường nên quản lí việc sử dụng điện thoại của HS để đảm bảo việc sử dụng điện thoại có hiệu quả. | |

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ.  
GV chia lớp làm 4 nhóm thực hiện nhiệm vụ chung: thảo luận chủ đề: Vấn đề sử dụng điện thoại thông minh.

- HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, gợi mở, hỗ trợ

- Hs suy nghĩ, thảo luận, bổ sung, phản biện

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm thảo luận

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  
- HS thực hiện quay video ở nhà, nộp qua zalo.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét quá trình tương tác, thảo luận nhóm của học sinh.

**IV. PHỤ LỤC**

**Tiết 112**

**ÔN TẬP**

**I. MỤC TIÊU**

**1.Về kiến thức**

- Ôn tập kiến thức văn bản, tiếng Việt, làm văn ở bài 8

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực chuyên biệt:**

Củng cố, vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức về:

- Các đặc điểm của văn bản thông tin  
- Hệ thống các kiến thức đã học về văn bản thông tin, đặc điểm chức năng của số từ, văn bản tường trình.

**3. Về phẩm chất:**   
- Cảm nhận và yêu những nét đẹp văn hóa Việt mà cha ông để lại.  
- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.  
- Sống lạc quan, yêu đời, yêu cuộc sống.  
***\* Tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống cho HS:*** *Thể hiện ý kiến cá nhân với những vấn đề: sống giản dị, yêu tiếng mẹ đẻ, uống nước nhớ nguồn*

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0,

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A.HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

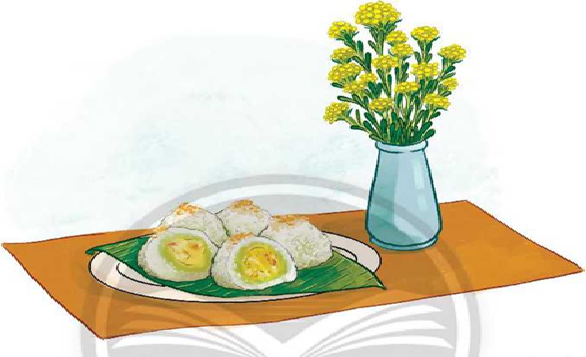
**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm:**   
- Hình 1: Trò chơi cướp cờ.  
- Hình 2: Cách gọt củ hoa thủy tiên.  
- Hình 3: Hương khúc.  
- Hình 4: Kéo co.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV tổ chức trò chơi ***Nhìn hình đoán tên văn bản***:



- GV yêu cầu HS quan sát những bức tranh trên và cho biết bức tranh đó liên quan tới văn bản nào đã học? Những văn bản đó thuộc kiểu văn bản gì?  
**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Hs trao đổi và điền vào PHT.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV dẫn dắt vào nội dung ôn tập của bài.

**B+C. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC + LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức.

**b. Nội dung**: GV giao bài tập, HS xác định và thực hiện được các yêu cầu của tiết ôn tập.

**c. Sản phẩm:  
Câu 2:**- Không thể lược bỏ đi từ “vài” vì sẽ làm thay đổi ý nghĩa của câu văn.   
- Trong ngôn ngữ học, số từ là những từ loại dùng để chỉ số lượng và thứ tự của sự vật nào đó. Chức năng chủ yếu của số từ làm thành tố phụ cho một cụm từ có danh từ làm trung tâm.  
**Câu 3:**- Lưu ý đọc và nắm các thông tin theo quy trình.  
- Đọc khoa học và liên kết các phần với nhau để hiểu quy trình hay luật lệ.   
**Câu 4:** a. Tường trình là kiểu văn bản thông tin, trình bày tường tận, rõ ràng, đầy đủ về diễn biến của một sự việc “đã gây hậu quả và có liên quan đến người viết”, trong đó nêu rõ mức độ thiệt hại (nếu có) và xác định trách nhiệm của người viết đối với sự việc.   
b. Về nội dung, văn bản cần đảm bảo những yêu cầu sau:   
- Cung cấp đầy đủ, chính xác những thông tin về thời gian địa điểm, sự việc, họ tên những người có liên quan, đề nghị của người viết, người gửi, người nhận và ngày tháng, địa điểm viết tường trình.   
- Nội dung sự việc được tường trình phải đảm bảo chính xác, đúng với thực tế diễn ra.   
- Xác định trách nhiệm của người viết đối với sự việc đã xảy ra: gốm một số trường hợp sau:   
- Nếu người viết trực tiếp tham gia vào sự việc thì cần trình bày rõ trách nhiệm của người viết đối với những gì đã diễn ra.   
- Nếu người viết chỉ chứng kiến sự việc thì cần nêu rõ trách nhiệm của người viết là chứng kiến và ghi lại trung thực tất cả những gì đã diễn ra.   
**Câu 5:** Vì mỗi sự việc có thể nhìn nhận dưới góc nhìn đa chiều khác biệt nên thái độ xây dựng và tôn trọng điều khác biệt là việc cần thiết trong trao đổi và thảo luận.   
**Câu 6**- Giữ gìn và tôn trọng nét văn hóa  
- Đưa những nét văn hóa vào cuộc sống thường ngày.

- Tuyên truyền những nét đẹp văn hóa tới từng ngõ phố, người dân  
**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- Chia lớp thành 4 nhóm, thực hiện các bài tập 1, 2, 3 trong SGK/65.  
- Nhóm 1 làm BT số 2  
- Nhóm 2 làm BT số 3  
- Nhóm 3 làm BT số 4  
- Nhóm 4 làm BT số 5,6

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**\* Nhiệm vụ 3: Viết, nói, nghe***? Văn bản tường trình có những đặc điểm gì về cấu trúc và nội dung?  
? Vì sao khi trao đổi, tranh luận với người khác, chúng ta cần có thái độ xây dựng và tôn trọng những ý kiến khác biệt?*

**\* Nhiệm vụ 4:** *Làm thế nào để những nét đẹp văn hóa của cha ông được lan tỏa trong cuộc sống hôm nay?***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

+ HS tổ chức chia sẻ thảo luận theo câu hỏi (dựa vào phần định hướng trong SGK).

+ GV quan sát, khuyến khích.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS phát biểu trình bày bài làm.

- Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Giáo viên quan sát, nhận xét, chốt kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học thực hiện.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ  
DẠY HỌC DỰ ÁN: TÌM VỀ TUỔI THƠ  
GV chia lớp thành 4 nhóm với các nhiệm vụ sau:**+ Nhóm 1, 2: Sưu tầm tranh, ảnh và video về các trò chơi dân gian.

+ Nhóm 3, 4: Sưu tầm tranh, ảnh và video về các món ăn tuổi thơ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành.

- GV khích lệ, giúp đỡ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.  
 Báo cáo sản phẩm dự án sau 01 tuần.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.

**IV. PHỤ LỤC**